

BÁO CÁO

**tổng kết thực hiện Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy
về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030**

Ngày 15/7/2021, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 147/NQ/TU về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 147-NQ/TU*); sau 05 năm triển khai thực hiện, Tỉnh ủy đánh giá kết quả thực hiện như sau:

I- CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Sau khi Nghị quyết số 147-NQ/TU được ban hành, các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, nội dung của Nghị quyết số 147-NQ/TU; Ban cán sự đảng UBND tỉnh (nay là Đảng ủy UBND tỉnh) đã lãnh đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 19/8/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết số 147-NQ/TU để cụ thể hóa các nhiệm vụ giao cho từng cơ quan, địa phương. Trên cơ sở đó, các cấp ủy cơ sở, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức quán triệt Nghị quyết cùng với kế hoạch thực hiện của cấp ủy cấp trên đến các chi bộ và toàn thể cán bộ, đảng viên.

Nhìn chung, công tác nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 147-NQ/TU được các cấp ủy thực hiện nghiêm túc. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị; đồng thời, xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án bám sát nội dung Nghị quyết và tình hình thực tiễn ở địa phương, đơn vị mình, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Qua nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của phát triển công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương.

II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu****1.1. Về mục tiêu tổng quát**

Tỉnh đã cơ bản đạt được mục tiêu trở thành tỉnh trọng điểm về phát triển công nghiệp, là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của Vùng Trung

du và miền núi phía Bắc. Trong giai đoạn 2021-2025, công nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển đột phá, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tốc độ đạt 19,5%/năm; cơ cấu công nghiệp trong cơ cấu GRDP của tỉnh năm 2025 tăng lên chiếm 62,1%, tăng 8,3 % so năm 2020; quy mô GRDP đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố, tăng 4 bậc so với năm 2020; quy mô nền kinh tế và quy mô ngành công nghiệp đứng đầu Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

1.2. Về mục tiêu cụ thể

Tỉnh cơ bản thực hiện toàn diện mục tiêu và các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó hoàn thành vượt 3/6 chỉ tiêu, 3 chỉ tiêu còn lại có tiến độ cơ bản đạt yêu cầu đề ra; kết quả cụ thể như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2025 bình quân đạt 19,5%/năm, vượt 0,5% so với mục tiêu Nghị quyết. Cơ cấu công nghiệp trong cơ cấu GRDP của tỉnh năm 2025 đạt 62,1%, vượt 2,1% so với mục tiêu Nghị quyết, tăng 8,3 % so năm 2020.

(2) Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 28,4%/năm, vượt 2,4% so với mục tiêu Nghị quyết; giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước năm 2025 đạt 729.843 tỷ đồng, đạt 33% so mục tiêu Nghị quyết.

(3) Huy động vốn đầu tư phát triển trong lĩnh vực công nghiệp giai đoạn 2021- 2025 đạt 200,8 nghìn tỷ đồng, đạt 23,5% so với mục tiêu đề ra cả giai đoạn 2021-2030.

(4) Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong lĩnh vực công nghiệp đến năm 2025 đạt 80%, tăng 10% so năm 2020 (mục tiêu Nghị quyết đến 2030 là 90%).

Trong đó:

+ Tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2025 đạt trên 35%, tăng 15,5% so năm 2020 (mục tiêu Nghị quyết đến năm 2030 là 40%).

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 11,9%/năm, vượt 0,9% so với mục tiêu đề ra.

(5) Tỷ trọng đóng góp vào ngân sách nhà nước tỉnh của ngành công nghiệp năm 2025 ước đạt 43,2%, vượt 7,2% so với mục tiêu đề ra, tăng 12,3% so với năm 2020.

(6) Khu công nghiệp (KCN): Giai đoạn 2021-2025, thành lập mới 11 KCN, đạt 47,8% so với mục tiêu đặt ra; lũy kế đến nay, tỉnh Bắc Giang có 17 KCN, đạt 58,6% so với mục tiêu đề ra. Mở rộng 04 KCN, đạt 80% so với mục tiêu đề ra đến năm 2030. Cụm công nghiệp (CCN): Giai đoạn 2021-2025 thành lập mới 12 CCN, đạt 41,3% so với kế hoạch; đưa ra khỏi quy hoạch 02 CCN, đạt 22% so với mục tiêu đề ra đến năm 2030.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền với nhiệm vụ phát triển công nghiệp

Nghị quyết số 147-NQ/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 395/KH-UBND đã phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các ngành, địa phương tập trung thực hiện chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp trong giai đoạn 2021-2030, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX. Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh đã bám sát nội dung Nghị quyết số 147-NQ/TU, tập trung xây dựng phương án phát triển công nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả đối với công việc có liên quan nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển công nghiệp của tỉnh; chỉ đạo các đơn vị ban hành quy hoạch, kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện đáp ứng các yêu cầu quản lý và có tác động tích cực trong việc thúc đẩy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề phát triển.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của phát triển công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân tham gia phát triển công nghiệp với tinh thần quyết tâm, quyết liệt đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về phát triển công nghiệp. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực công nghiệp.

Cùng với đó, Tỉnh ủy ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, kế hoạch nhằm phát triển mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ, tạo ra “hệ sinh thái công nghiệp” theo hướng phát triển xanh, bền vững. Khai thác hiệu quả tiềm năng, cơ hội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh nhằm phát triển công nghiệp, sử dụng hợp lý tài nguyên, lao động; gắn phát triển công nghiệp với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; tạo nguồn cung việc làm dài hạn và thu nhập ổn định, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa; giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển công nghiệp.

2.2. Nâng cao chất lượng công tác lập và quản lý quy hoạch phát triển công nghiệp

Tỉnh Bắc Giang là địa phương đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh¹ đây là điều kiện rất thuận lợi để triển khai thực hiện việc thành lập mới, mở rộng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tạo ra nhiều quỹ đất sạch thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Ngay sau khi Quy

¹ Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 và được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 (viết tắt là Quy hoạch tỉnh Bắc Giang).

hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh đã tổ chức công bố Quy hoạch theo quy định; đồng thời, thực hiện đăng tải các nội dung của Quy hoạch tỉnh trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ban ngành. Chỉ đạo triển khai bước đi, lộ trình để cụ thể hóa phương án quy hoạch các ngành, lĩnh vực, đầu tư công, thu hút đầu tư, kế hoạch sử dụng đất phù hợp, huy động nguồn lực và giải pháp để thực hiện quy hoạch.

Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; tỉnh đã lập, triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025; trong đó đã xác định các chỉ tiêu đất khu, cụm công nghiệp bảo đảm theo đúng chỉ tiêu đã được phân bổ và xác định các chỉ tiêu theo từng địa bàn để bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 làm cơ sở để thành lập khu, cụm công nghiệp; đồng thời, làm căn cứ để UBND cấp huyện lập kế hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư các khu, cụm công nghiệp.

Công tác quản lý quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; kết quả, từ năm 2021 đến nay tỉnh Bắc Giang đã có 15 KCN² được phê duyệt quy hoạch xây dựng, 05 KCN³ đang lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, 01 KCN⁴ đang lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng và 02 KCN⁵ điều chỉnh mục tiêu; phê duyệt 14 đồ án quy hoạch chi tiết các CCN⁶. Quy hoạch khu, cụm công nghiệp hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp” bền vững.

Việc phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với phát triển khu đô thị, khu dịch vụ, với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại (*cấp thoát nước; bãi đỗ xe; cây xanh; công trình xử lý môi trường; không gian sinh hoạt cộng đồng; các khu dịch vụ; vui chơi giải trí...*); bên cạnh việc quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, tỉnh đã quan tâm xây dựng hệ thống đường giao thông thuận tiện cho vận chuyển và lưu thông hàng hóa; hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa đồng bộ, bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường; hệ thống điện bảo đảm doanh nghiệp sản xuất ổn định và đạt hiệu quả. Ngoài ra, tỉnh cũng quan tâm, phát triển đồng bộ các dịch vụ hậu cần, dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công nghiệp như logistics, ngân hàng, hải quan...tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh,

² Các KCN: Phúc Sơn; Quang Châu 2; Yên Lư mở rộng; Tiên Sơn - Ninh Sơn; Đức Giang; Xuân Cẩm - Hương Lâm; Hòa Phú mở rộng GD2; Nghĩa Hưng; Yên Sơn - Bắc Lũng phần mở rộng; Đồng Phúc; Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm; Hòa Yên; Mỹ Thái, Song Mai - Nghĩa Trung; Yên Sơn

³ Các KCN: Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh; Minh Đức-Thượng Lan-Ngọc Thiện; Ngọc Thiện, Thượng Lan, Thái Đào - Tân An

⁴ KCN Ngọc Lý

⁵ CCN Tăng Tiến thành KCN Vân Trung, điều chỉnh mục tiêu CCN Tân Hưng thành KCN Tân Hưng I

⁶ CCN: JUTEH; Đoàn Bái - Lương Phong 1; Đoàn Bái; Lãng Cao; Tăng Tiến; Trung Sơn - Ninh Sơn; Hà Thịnh; Danh Thắng-Đoàn Bái; Danh Thắng - Đoàn Bái;

đáp ứng đa dạng nhu cầu của các doanh nghiệp, chuyên gia, người lao động cả trong nước và nước ngoài.

2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu hút đầu tư phát triển công nghiệp

2.3.1. Công tác thu hút đầu tư khu công nghiệp (KCN):

Công tác thu hút, đầu tư hạ tầng KCN: UBND tỉnh ban hành Quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁷ nhằm chấp thuận đầu tư đối với nhà đầu tư thứ cấp có chọn lọc, ưu tiên thu hút các nhà thầu lớn, tập đoàn lớn đặc biệt là các tập đoàn xuyên quốc gia; lựa chọn các dự án sử dụng đất có hiệu quả, có công nghệ hiện đại, ít ảnh hưởng đến môi trường, suất đầu tư cao và đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước; lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật và tài chính để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN. Đến nay, tỉnh Bắc Giang đã có 17 KCN được thành lập với tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 3.773,51ha; hiện có 08 KCN⁸ đã đi vào hoạt động và thu hút các dự án đầu tư thứ cấp và 09 KCN⁹ mới thành lập.

Công tác thu hút nhà đầu tư thứ cấp trong KCN: Từ năm 2021 đến nay, tỉnh thu hút 190 dự án đầu tư thứ cấp (trong đó có 145 dự án FDI, 45 dự án DDI), điều chỉnh tăng vốn cho 201 dự án FDI và 19 dự án DDI, tổng vốn thu hút đầu tư quy đổi cả giai đoạn 7,432 tỷ USD. Lũy kế đến nay, trong các KCN có 511 dự án đầu tư còn hiệu lực (bao gồm 391 dự án FDI và 120 dự án DDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 11,202 tỷ USD và 41.084 tỷ đồng; vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 8,252 tỷ USD và khoảng 13.078 tỷ đồng.

2.3.2. Công tác thu hút đầu tư ngoài khu công nghiệp

Đối với cụm công nghiệp (CCN): Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bảo đảm lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN, bảo đảm cạnh tranh công khai, minh bạch, lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án xây dựng, kinh doanh hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 1721/KH-UBND¹⁰ và hiện nay là Kế hoạch số 93/KH-UBND¹¹ (thay thế Kế hoạch 1721/KH-UBND), trong đó xác định cụ thể các công việc, mốc thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm cho cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đối với các sở, cơ quan, địa phương, đơn vị và chủ đầu tư để triển khai thực

⁷ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

⁸ KCN Đình Trám, Quang Châu, Vân Trung, Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam), Hòa Phú, Việt Hàn, Tân Hưng, Yên Lư

⁹ KCN: Châu Minh - Bắc Lý- Hương Lâm, Hòa Yên, Xuân Cẩm - Hương Lâm, Đồng Phúc, Mỹ Thái, Nghĩa Hưng, Tiên Sơn – Ninh Sơn, Song mai – Nghĩa Trung, Phúc Sơn

¹⁰ Kế hoạch 1721/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

¹¹ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (thay thế kế hoạch 1721/KH-UBND ngày 23/4/2021)

hiện đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp (CCN) do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh, định kỳ tổ chức kiểm điểm đánh giá và đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ; UBND các huyện, thành phố, sở, ngành, chủ đầu tư đã khẩn trương triển khai thực hiện các công việc liên quan đến TTHC, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng, thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào hoạt động. Kết quả, từ năm 2021 đến nay, tỉnh Bắc Giang đã thu hút và thành lập mới 12 CCN¹² với tổng diện tích 630 ha; nâng tổng số CCN trên địa bàn toàn tỉnh là 55 CCN¹³ với tổng diện tích 2.327 ha; lũy kế đến nay, đã có 38/55 CCN đã được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động, với diện tích 1.391ha, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 665ha (*CCN đi vào hoạt động*), tỷ lệ lấp đầy các CCN đạt 69,1%; đã có 25 CCN được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, hầu hết các CCN đã được đầu tư xây dựng hạ tầng và trạm xử lý nước thải tập trung đều đã có nhà đầu tư thứ cấp đăng ký đầu tư vào cụm công nghiệp. Các CCN mới thành lập đang triển khai hoàn thiện các thủ tục pháp lý và triển khai bồi thường giải phóng mặt bằng.

Công tác thu hút nhà đầu tư thứ cấp ngoài KCN: Từ năm 2021 đến nay, tỉnh thu hút được 81 dự án FDI vốn đăng ký 375 triệu USD và 33 dự án trong nước DDI, vốn đăng ký 7.285 tỷ đồng¹⁴; các dự án FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, gia công các sản phẩm linh kiện điện tử, may mặc, logistics.... Đến nay, có trên 30 quốc gia và lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; trong đó, Trung Quốc là nước đầu tư lớn nhất vào tỉnh, kế đến là Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản.

2.3.3. Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

Bắc Giang đã tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ, ngành, Trung ương, các tổ chức quốc tế để nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư. UBND tỉnh ban hành Quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Giang¹⁵ nhằm chấp thuận đầu tư đối với nhà đầu tư thứ cấp có chọn lọc, ưu tiên thu hút các nhà thầu tư lớn, tập đoàn lớn đặc biệt là các tập đoàn xuyên quốc gia; lựa chọn các dự án sử dụng đất có hiệu quả, có công nghệ hiện đại, ít ảnh hưởng đến môi trường, suất đầu tư cao và đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước.

Các hoạt động xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới, xác định trọng tâm, trọng điểm vào các khu vực, đối tác lớn. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội và thực hiện các thủ tục đầu tư vào địa bàn tỉnh. Chú trọng công tác

¹² CCN: Tân Sỏi, Đông Sơn, Nénh, Ngọc Vân, Khám Lạng, Danh Thắng - Đoàn Bái, Thanh Sơn, Phượng Sơn, Đại Lâm 2, Phương Sơn - Đại Lâm, Hương Sơn 2, Ngọc Châu.

¹³ Trong đó, có 41 CCN do doanh nghiệp làm Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng với tổng diện tích 2.179ha, còn 14 CCN do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

¹⁴ Năm 2025: 04 dự án FDI vốn đăng ký 15 triệu USD, 4 dự án DDI vốn đăng ký 1.360 tỷ đồng; Năm 2024: 35 dự án FDI vốn đăng ký 119,5 triệu USD, 07 dự án DDI vốn đăng ký 2.891 tỷ đồng; Năm 2023: 31 dự án FDI vốn đăng ký 184,5 triệu USD, 06 dự án DDI vốn đăng ký 2.361 tỷ đồng; Năm 2022: 09 dự án FDI vốn đăng ký 44,1 triệu USD, 10 dự án DDI vốn đăng ký 569 tỷ đồng và Năm 2021: 02 dự án FDI vốn đăng ký 12,4 triệu, 05 dự án DDI vốn đăng ký 103 tỷ đồng

¹⁵ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy định suất đầu tư và số lao động sử dụng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

xúc tiến đầu tư “tại chỗ” trên cơ sở chăm sóc, hỗ trợ đào tạo nâng cao kiến thức, trình độ lao động, mở rộng sản xuất, qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa thu hút các nhà đầu tư mới. Xây dựng Bộ tài liệu về xúc tiến đầu tư; đưa thông tin về khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, chính sách pháp luật của Nhà nước; giới thiệu tiềm năng, định hướng phát triển trên các lĩnh vực của tỉnh; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư áp dụng trên địa bàn; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp của tỉnh; định hướng phát triển các ngành công nghiệp trọng tâm, ưu tiên của tỉnh đến năm 2030.

Đến nay, tuy còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hút đầu tư nước ngoài do tình hình diễn biến khó lường từ chính trị quốc tế, song tỉnh đã chủ động, sáng tạo trong công tác quảng bá, vận động thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, thu hút đầu tư của tỉnh vẫn tăng khá so với cùng kỳ và luôn nằm trong top 10 cả nước. Các dự án FDI thu hút được có quy mô khá lớn tập trung chủ yếu ở lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, vốn đầu tư trung bình đạt 150 triệu USD như: Dự án Nhà máy Fukang technology của Nhà đầu tư Foxconn Singapore Pte.,Ltd; dự án Công nghệ tế bào quang điện JA Solar PV Việt Nam của Nhà đầu tư JA Solar Investment (Hong Kong) Limited;...

2.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

2.4.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC)

a) Ban hành cơ chế, chính sách

Công tác xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần được tập trung thực hiện; chú trọng nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản nhằm bảo đảm các văn bản QPPL được ban hành đúng quy định về quy trình, thủ tục, thẩm quyền, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; từ năm 2021 đến nay, tỉnh Bắc Giang ban hành 267 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh và 13 Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như xây dựng và đưa vào sử dụng tài khoản Zalo phổ biến pháp luật tỉnh Bắc Giang trong toàn ngành tư pháp từ cấp tỉnh đến cấp xã để tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của pháp luật; thường xuyên cập nhật các văn bản QPPL mới ban hành của Trung ương, của tỉnh lên Hệ thống thông tin pháp luật tỉnh; giới thiệu các văn bản QPPL mới trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật, website của tỉnh.

b) Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả gắn với đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số. TTHC thường xuyên được rà soát, kịp thời bãi bỏ những thủ tục rườm rà; cơ chế một cửa, một cửa điện tử hiện đại liên thông được nhân rộng và duy trì thực

hiện tốt góp phần công khai hoá, minh bạch hoá các quy định về TTHC, giảm phiền hà, thời gian chờ đợi cho người dân và tổ chức; nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, bảo đảm ổn định, duy trì và hoạt động hiệu quả, không làm gián đoạn việc giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật, niêm yết công khai các TTHC mới ban hành.

Thường xuyên chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt công tác cải cách TTHC, đề ra nhiều mô hình sáng kiến¹⁶ hay, thiết thực trong công tác cải cách TTHC, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đối với người dân, doanh nghiệp; trong đó có nhiều mô hình, sáng kiến được công nhận, đưa vào áp dụng, nhân rộng, góp phần khắc phục những tồn tại của TTHC trên địa bàn trong thời gian qua.

Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC và thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết nhằm giảm thời gian giải quyết TTHC cho doanh nghiệp; thực hiện ủy quyền đối với nhiều TTHC, qua đánh giá cho thấy việc thực hiện phân cấp, ủy quyền được thực hiện hiệu quả, góp phần rất lớn vào việc xây dựng và tạo lập môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc. Kết quả trên 90% TTHC giải quyết đúng, trước hạn, đặc biệt cấp huyện, cấp xã đạt trên 95%.

Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Hằng năm, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản¹⁷ chỉ đạo thực hiện cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tổ chức Hội nghị Phân tích chỉ số PCI và giải pháp nâng cao chỉ số PCI tỉnh Bắc Giang; tổ chức cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu và sáng kiến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh". Với những giải pháp đồng bộ, quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh ngày càng được cải thiện¹⁸, nhiều năm liền nằm trong TOP 5 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước, đứng đầu Vùng trung du và các tỉnh miền núi phía Bắc và là tỉnh có tốc độ cải thiện đứng đầu toàn quốc trong 20 năm qua.

Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Hằng năm, nhằm nâng cao xếp hạng Chỉ số PAR index, SIPAS, PAPI, UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch¹⁹

¹⁶ Ứng dụng ứng dụng mã QR trong tra cứu TTHC về thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến; Mô hình *Chính quyền thân thiện* tại cấp xã giúp nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp;

¹⁷ Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 04/6/2021 Kế hoạch Nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021; Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 07/7/2022 Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 20/01/2022 Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

¹⁸ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2021, xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố; năm 2022 đạt 72,8 điểm, xếp thứ 02/63 tỉnh, thành, tăng 29 bậc so với năm 2021; năm 2023, PCI đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố; năm 2024 PCI đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố; 2025 tỉnh Bắc Giang phấn đấu duy trì thứ hạng tiếp tục nằm trong TOP 5 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước

¹⁹ Kế hoạch số 2198/KH-UBND ngày 17/5/2021 về cải thiện, nâng cao Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh Bắc Giang năm 2021 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 2665/KH-UBND ngày 11/6/2022; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 07/6/2023; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 03/5/2024;

duy trì, cải thiện các chỉ số; tổ chức các hội nghị phân tích các Chỉ số PAR index, SIPAS, PAPI từng năm và đưa ra giải pháp nâng cao các chỉ số cho các năm tiếp theo. Trên cơ sở kết quả về các chỉ số, UBND tỉnh đã đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm tổ chức tốt hoạt động của Bộ phận Một cửa; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức; tiếp tục đơn giản hóa, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh, từng bước nâng cao Chỉ số cải cách hành chính. Kết quả, Chỉ số PAR index, SIPAS, PAPI của tỉnh trong những năm gần đây duy trì nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước²⁰.

c) Cải cách tổ chức bộ máy

Cải cách tổ chức bộ máy là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng²¹, tỉnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý bộ máy nhà nước, theo đó tỉnh thành lập 7 cơ quan thuộc tỉnh²², tổ chức lại 06 cơ quan đơn vị²³, sáp nhập nhiều cơ quan, ban ngành của tỉnh; ngày 28/4/2025 tỉnh Bắc Giang đã có Tờ trình số 154/TTr-UBND về việc sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang, gửi Bộ Nội vụ theo yêu cầu; theo đó, tỉnh Bắc Giang thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sắp xếp 192 đơn vị hành chính cấp xã thành 58 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 69,8% đơn vị hành chính cấp xã. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm tầng nấc trung gian và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết, góp phần tạo ra một hệ thống quản trị linh hoạt, hiệu quả, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

d) Công tác tuyên truyền CCHC: Công tác tuyên truyền, phổ biến về lĩnh vực CCHC được quan tâm; bám sát nội dung các Kế hoạch²⁴ tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang của UBND tỉnh, các cơ quan, địa phương đã chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung.

²⁰ Chỉ số PAR Index: năm 2021 đạt 88,65 điểm đứng thứ 7 toàn quốc; năm 2022 đạt 88,54 điểm xếp thứ 4 toàn quốc; năm 2023 đạt 91,16 điểm đứng thứ 4 toàn quốc; năm 2024 đạt 89,41 điểm xếp thứ 17 toàn quốc; Chỉ số SIPAS: năm 2021 đạt 90,01%, đứng thứ 8/63 tỉnh thành, giảm 05 bậc so với năm 2020; năm 2022 đạt 78,26 điểm xếp thứ 44 toàn quốc (giảm 36 bậc so với năm 2021); năm 2023 đạt 81,62 điểm, xếp thứ 38 trên toàn quốc (tăng 5 bậc so với năm 2022); năm 2024 đạt 81,89 điểm, tăng 0,27 điểm so với 2023, xếp thứ 52 toàn quốc. Chỉ số PAPI: năm (2021, 2022) tỉnh Bắc Giang không ở trong bảng xếp hạng chỉ số PAPI do thiếu dữ liệu báo cáo; Năm 2023 đạt 44,32 điểm, xếp thứ 10 toàn quốc; 2024 đạt 44,68 điểm, đứng thứ 16 toàn quốc

²¹ Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; số 150-KL/TW hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, về tổ chức bộ máy CBCCVC khi thực hiện sắp xếp

²² Thành lập các Sở: Tài chính trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính; Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên - Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ; Nội vụ trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ. Thành lập Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở hợp nhất Sở Ngoại vụ và Văn phòng UBND tỉnh. Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ban Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từ Sở Nội vụ

²³ Tổ chức lại các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp và Thanh tra tỉnh

²⁴ Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 22/1/2021; Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 19/1/2022; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 18/1/2023.

Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với các cơ quan, địa phương xây dựng các tin, bài, ảnh, phóng sự, video về CCHC, tổ chức các chương trình đối thoại, tọa đàm trực tuyến các nội dung liên quan CCHC... Ngoài các nội dung về CCHC được lồng ghép trong các chuyên trang, chuyên mục thời sự, chính trị, nhiều cơ quan, đơn vị đã làm tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích, sáng kiến, giải pháp tốt nhằm giảm bớt TTHC, rút ngắn quy trình, giảm hồ sơ và đơn giản hóa nội dung TTHC tạo niềm tin cho nhân dân và doanh nghiệp.

2.4.2. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy định cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng làm cơ sở để triển khai các dự án công nghiệp, đô thị, giao thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp bảo đảm đồng bộ, đáp ứng tốt cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đẩy mạnh sản xuất; tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng cấp điện, cấp thoát nước, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sản xuất khi các khu, cụm công nghiệp được lấp đầy.

a) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng “sạch” phục vụ thu hút đầu tư phát triển công nghiệp:

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung cao trong công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; thường xuyên tổ chức các buổi làm việc với các ngành, cấp huyện, chủ đầu tư các khu, cụm công nghiệp để đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án, kịp thời đưa ra giải pháp hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết, đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo quỹ đất sạch để sẵn sàng thu hút tiếp nhận dự án đầu tư. Đến nay, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng KCN²⁵ và CCN²⁶ đã đạt được kết quả nhất định, thúc đẩy thu hút đầu tư thứ cấp vào khu, cụm công nghiệp.

b) Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông

²⁵ Tiến độ GPMB KCN: KCN Việt Hàn giai đoạn 1, KCN Tân Hưng: đã hoàn thành; KCN Việt Hàn mở rộng: đang thực hiện TTHC về môi trường, PCCC, xây dựng, đã hoàn thành lập phương án bồi thường GPMB; KCN Yên Lư: GPMB 360,39/377 ha; KCN Yên Lư (phần mở rộng) giai đoạn 1: đã triển khai thu hồi đất, đang tổ chức kê khai, kiểm kê đất, tài sản trên đất; KCN Hòa Phú (mở rộng): GPMB 82,5/85ha; KCN Hòa Phú 204,2/207ha; KCN Phúc Sơn: GPMB 64/125ha; KCN Quang Châu: 414,3/426ha; KCN Quang Châu mở rộng: 86,92/90ha; các KCN: Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, Hòa Yên, Xuân Cẩm - Hương Lâm, Đồng Phúc, Mỹ Thái, Nghĩa Hưng: mới được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thông báo thu hồi đất.

²⁶ Tiến độ GPMB CCN đến nay: CCN Việt Nhật: GPMB 49,25/49,82ha; CCN Hà Thịnh: 67,17ha/75ha; CCN Hợp Thịnh: 53,86ha/59,48ha; CCN Thanh Vân: 49,9/50ha; CCN Đoàn Bái: 38,5/39,08ha; CCN Đoàn Bái - Lương Phong 1: hiện đã kiểm kê, quy chủ và thông báo thu hồi đất; chưa chỉ trả cho người dân; CCN Đoàn Bái-Lương Phong 2: 21,5/75ha; CCN JUTECH: 55/75ha; CCN Tăng Tiến: 36,47/36,47 ha; CCN Trung Sơn - Ninh Sơn: 19,29/75 ha; CCN Đồng Đình: 44,9ha/47,3ha; CCN Lăng Cao: 35,8/48ha; CCN Hương Sơn: 59,45/65,35ha; CCN Yên Lư: 51,93/53,68ha; CCN Nội Hoàng: 26/26,72ha; CCN Đình Trì: 14,3/15,2ha; CCN Tân Mỹ: 11,03/12,05ha; Các CCN còn lại đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý, chưa bồi thường GPMB.

Thực hiện Kết luận số 55-KL/TU²⁷, tỉnh Bắc Giang đã đầu tư xây dựng công trình giao thông, nâng cao chất lượng công tác đầu tư với phương châm “đầu tư đến đâu chắc đến đó, không đầu tư dàn trải”, phát triển mạng lưới giao thông đường bộ kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia, bảo đảm tính liên thông và chuyển tiếp liên tục giữa hệ thống giao thông đối nội với hệ thống giao thông đối ngoại, tạo điều kiện để Bắc Giang kết nối thuận lợi các trung tâm kinh tế, đô thị lớn trong khu vực. Đến nay, hạ tầng giao thông đã có sự chuyển biến rõ nét, mạng lưới giao thông được phát triển theo hướng đồng bộ, nhiều trục giao thông quan trọng của tỉnh được đầu tư xây dựng đã phát huy hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, mở ra không gian phát triển mới của tỉnh.

Trong giai đoạn 2021-2025, nhiều tuyến giao thông đường bộ được xây dựng, mạng lưới giao thông phát triển đồng bộ, rộng khắp, các công trình mới hoàn thành phát huy tốt hiệu quả, mang tính kết nối khu đô thị và khu công nghiệp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế²⁸. Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2023 cho phép ga Kép được khai thác hoạt động liên vận quốc tế, tạo thuận lợi cho việc hình thành một đầu mối trung chuyển hàng hóa cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh trong khu vực, giúp giảm chi phí logistics.

c) Hạ tầng cấp điện đáp ứng nhu cầu sản xuất

UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tạo điều kiện các đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cung ứng điện cho sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống của nhân dân và đầu tư các công trình điện, bảo đảm tiến độ xây dựng các công trình điện trên địa bàn. Điện năng dành cho lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm phần lớn tổng điện năng thương phẩm toàn tỉnh Bắc Giang do cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và việc mở rộng các khu, cụm công nghiệp, có nhiều dự án lớn đầu tư mới đi vào sản xuất, đẩy nhu cầu phụ tải điện lên cao. Để bảo đảm cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sản xuất, UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 29/9/2023), chủ động nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong công tác cung ứng điện; đầu tư các dự án điện, kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm đáp ứng tiến độ triển khai dự án theo đúng kế hoạch. Công tác triển khai, chỉ đạo việc thực hiện tiết kiệm điện được quan tâm, chất lượng, hiệu quả tiết kiệm được nâng lên rõ rệt.

²⁷ Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

²⁸ Đường Vành đai IV địa phận tỉnh Bắc Giang (nay là ĐT.398) với cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; mở rộng đường gom trái tuyến từ QL17-QL37 và nút giao liên thông giữa QL.17, QL.37 với cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; xây dựng thêm cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang tại xã Tăng Tiến và xã Vân Trung, huyện Việt Yên (hiện nay là phường Vân Trung, thị xã Việt Yên); đường dẫn và cầu vượt cao tốc tại xã Đồng Sơn (TP Bắc Giang); cải tạo ĐT.292, ĐT.294, ĐT.295B, ĐT.298, ĐT.398... Mở rộng cầu Như Nguyệt, xây dựng cầu Đồng Việt, mở rộng cầu Đồng Sơn, cầu Chũ mới, cầu Hà Bắc II, cầu Hòa Sơn, cầu Á Lữ, cầu vượt sông Thương, cầu Lục Nam mới (tại cảng Mỹ An), cầu vượt từ Khu đô thị Tây Nam sang khu trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang, cầu Đồng Sơn và đường dẫn huyện Yên Thế, Lạng Giang

Tích cực tranh thủ nguồn vốn đầu tư của ngành điện để cải tạo sửa chữa lưới điện giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện; bảo đảm phát triển nguồn điện cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và linh hoạt trong phát triển nguồn/lưới điện phù hợp với bối cảnh, nguồn lực của tỉnh. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch 07 dự án điện gió²⁹ trên bờ tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024; 02 dự án thủy điện tích năng³⁰ tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu thực hiện chuyển dịch năng lượng mạnh mẽ từ năng lượng tái tạo để giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần hướng tới các mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam.

d) Hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, cơ sở hạ tầng xã hội

Hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, cơ sở hạ tầng xã hội gắn với quy hoạch khu, cụm công nghiệp được quan tâm; tỉnh đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu dành cho công nhân, người lao động. Đối với khu đô thị - dịch vụ nằm trong hoặc khu vực dự kiến hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phải bố trí tối thiểu 35% trên tổng diện tích đất ở để xây dựng nhà ở xã hội cao tầng dành cho công nhân; trong đó, ưu tiên bố trí quy hoạch khu nhà ở cho công nhân tại những vị trí thuận lợi, gần khu, cụm công nghiệp để thuận tiện cho việc đi lại của công nhân.

Những năm gần đây, nhiều khu đô thị, khu dân cư³¹ được quy hoạch, xây dựng góp phần đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho công nhân lao động và chuyên gia trong các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân, ưu tiên, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp có nhiều lao động đầu tư nhà ở cho công nhân; UBND tỉnh chỉ đạo các ngành thường xuyên rà soát, quy hoạch các vị trí xây dựng nhà ở công nhân phục vụ các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; kêu gọi, lựa chọn các nhà đầu tư triển khai xây dựng. Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt thêm đồ án quy hoạch Khu nhà ở công nhân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phục vụ nhu cầu công nhân, lao động tại khu công nghiệp Hòa Phú; phê duyệt 03 đồ án³² quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị - dịch vụ phục vụ cho Khu công nghiệp.

2.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

²⁹ Nhà máy điện gió Bắc Giang 1; Nhà máy điện gió Bắc Giang 2; Nhà máy điện gió Cẩm Lý; Nhà máy điện gió Gió Tân Sơn; Nhà máy điện gió Lục Ngạn; Nhà máy điện gió SD Sơn Động; Nhà máy điện gió Yên Dũng.

³⁰ Thủy điện tích năng Cẩm Sơn 1 và Cẩm Sơn 2

³¹ Khu đô thị Đình Trám - Sơn Hồ, Khu đô thị Quang Châu, khu đô thị công nghiệp dịch vụ Nham Sơn - Yên Lư, khu đô thị, dịch vụ Lan Mẫu - Yên Sơn, khu nhà ở công nhân Vân Trung, khu nhà ở công nhân thị trấn Nếnh, khu nhà ở công nhân Tiên Phong;

³² (1). Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Ninh Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500); (2). Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500); (3). Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500).

2.5.1. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện TTHC

Tích cực hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện giải quyết TTHC. Nhiều mô hình hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong thực hiện TTHC được thực hiện ở đồng loạt ở hầu hết Bộ phận Một cửa từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh như “Trợ lý ảo” hướng dẫn người dân thực hiện các TTHC; ứng dụng mã QR trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về TTHC, thanh toán trực tuyến tại Bộ phận một cửa điện tử các cấp; triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện”, thực hiện “Ngày thứ Sáu nhanh”, “Ngày thứ Hai không hẹn”, “Ngày thứ Năm ba không”, “Người dân với dịch vụ công”...

Thường xuyên đăng tin, bài tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách của nhà nước và các video, clip hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ban, ngành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp hoặc trực tuyến (*qua email, zalo, facebook...*) thực hiện các TTHC liên quan theo quy định.

2.5.2. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, mở rộng sản xuất

Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức gặp gỡ, làm việc với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Lào... tham gia vào các đoàn công tác cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới một số quốc gia như Hàn Quốc, Liên bang Nga, Liên bang Thụy Sĩ, Singapore, Hoa Kỳ,... nhiều sự kiện đối ngoại và hợp tác quốc tế³³, nhằm trao đổi, hợp tác tăng cường sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan ngoại giao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, kết nối với các địa phương nước ngoài có nhiều tiềm năng và phù hợp với điều kiện của tỉnh tiến tới thiết lập quan hệ hợp tác cấp địa phương; thường xuyên cung cấp thông tin về điều kiện tự nhiên, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, gửi các tài liệu, ấn phẩm, sản phẩm chủ lực của địa phương trưng bày tại các sự kiện ngoại giao, nhằm thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá và kết nối tỉnh Bắc Giang tới các địa phương và các đối tác tại nước ngoài.

Tổ chức nhiều hội nghị gặp mặt, tiếp đón các đoàn công tác của các tổ chức, doanh nghiệp, doanh nhân trong³⁴ và ngoài nước³⁵; tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến

³³ Chương trình trồng cây hoa anh đào và giao lưu văn hoá Việt Nhật; sự kiện “Ngày văn hoá Việt Nam” tại Hungary; hội nghị Việt - Pháp tại Hà Nội; Hội nghị “Gặp gỡ Châu Âu 2021: Đối tác Việt Nam - EU hậu COVID-19 và công bố Sách trắng Eurocham 2021”; Diễn đàn đối thoại với kiều bào Thái Lan về đầu tư và thương mại do Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan; Hội thảo “Vai thiếu Việt Nam, vươn tầm thế giới”; Hội chợ triển lãm hàng hoá và diễn đàn đầu tư – thương mại Nam Á, Đông Nam Á năm 2022; diễn đàn cấp cao OECD- Đông Nam Á và OECD-Việt Nam năm 2022; Hội nghị “Tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển ngành Halal Việt Nam”, Hội thảo “Hiệp định UKVFTA - Thương mại xanh và công bằng với Việt Nam; Hội nghị thị trường Halal- Tiềm năng và cơ hội...”

³⁴ Tập đoàn FPT, Tập đoàn y tế AMV, Tập đoàn Hòa Phát, VinGroup...;

³⁵ Liên đoàn Doanh nghiệp Quốc gia Singapore; đoàn lãnh đạo cấp cao tỉnh Xây Sớm Bun - Lào; đoàn công tác của Tổng Cục thống kê Việt Nam thăm và làm việc tại KCN Quang Châu; đoàn doanh nghiệp Thụy Sĩ; đoàn công tác Đại sứ quán Trung Quốc; Tập đoàn Capita Land (Singapore); Công ty Gerber Architekten International (CHLB Đức); Nghiệp đoàn hợp tác kinh tế Mic (Nhật Bản).

đầu tư theo hình thức trực tiếp, trực tuyến nhằm giới thiệu tiềm năng, lợi thế, cơ hội đầu tư vào tỉnh³⁶.

Thành lập Tổ xúc tiến và hỗ trợ đầu tư Hàn Quốc (Korea Desk), Nhật Bản (Japan Desk) nhằm thu hút và đẩy nhanh các hoạt động đầu tư của Hàn Quốc, Nhật Bản,... Triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch của Tổ Japan Desk, Korea Desk, nắm bắt thông tin về khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp Hàn Quốc, Nhật Bản đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án; chủ động làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp địa phương tham gia một số khâu trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài, để nâng cao năng lực, kinh nghiệm, phát triển doanh nghiệp.

2.5.3. Hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp

Thường xuyên cập nhật thông tin pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập; cập nhật có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp, khuyến cáo doanh nghiệp thực thi pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp tiếp cận, nắm vững các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp của Đảng và Nhà nước; tổ chức tuyên truyền về các chính sách phát triển công nghiệp, hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, thương mại điện tử, chuyển đổi số... thông qua các tin bài, phóng sự, clip quảng bá trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang và các đơn vị có liên quan. Xây dựng bộ tài liệu xúc tiến đầu tư bằng các ngôn ngữ thông dụng (tiếng Anh, Nhật, Hàn, Trung và Việt Nam) được gắn mã QR và số hóa phục vụ tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu xúc tiến tiêu thụ tại thị trường Mỹ, EU, Úc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... thông qua cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại các nước.

Rà soát, cập nhật bổ sung thông tin về quy hoạch, vị trí, diện tích, tính chất ngành nghề thu hút đầu tư, tuyên truyền giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; các chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan lên website, facebook cũng như trên zalo của Tổ Japan Desk, Korea Desk Bắc Giang; cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cuốn Guidebook về tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư của 63 tỉnh, thành phố tại Việt Nam cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.5.4. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

³⁶ Hội nghị gặp mặt các tổ chức, doanh nghiệp, doanh nhân Hàn Quốc; Hội nghị gặp gỡ Nhật Bản; Hội nghị “Phổ biến những nội dung mới liên quan đến đầu tư, việc miễn giảm thuế, ưu đãi đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; gặp gỡ, làm việc với một số nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Hungary, Phái đoàn Liên minh Châu Âu, Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu...

điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 24/01/2021 của UBND tỉnh, các đơn vị đã tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, đề xuất giải pháp nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030, nhiều đề án³⁷ nghiên cứu đã được thực hiện góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, thông qua các chương trình hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ khuyến công, thương mại điện tử, chuyển đổi số...Hàng năm, tỉnh Bắc Giang đã hỗ trợ hàng trăm doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ công nghệ, cơ sở kỹ thuật góp phần động viên, khuyến khích các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ mới, thiết bị mới, tạo ra sản phẩm mới; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh; thúc đẩy sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhiên liệu, năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; trình diễn, phổ biến, nhân rộng mô hình tới doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh;

2.5.5. Về hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương, Ban Quản lý các KCN tỉnh, cơ quan liên quan thường xuyên quan tâm rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu xuất, nhập khẩu qua các cửa khẩu Trung Quốc; kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; tổ chức Hội nghị gặp mặt, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang cùng lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp. Qua đó, tỉnh đánh giá tổng thể, toàn diện hơn để có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thành lập Tổ tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh*). Theo đó, Tổ công tác do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp là Tổ trưởng; thực hiện công khai các thông tin về số điện thoại đường dây nóng,

³⁷ Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp giảm thiểu nguy cơ gây mất an toàn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*Đề tài hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*); Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý và ứng dụng hiệu quả, bền vững các công trình điện mặt trời áp mái trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Ứng dụng khoa học và công nghệ sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 chất lượng cao dùng cho sản xuất ván gỗ; Ứng dụng khoa học và công nghệ tạo chất màu tự nhiên và nhuộm màu nguyên liệu mây, tre để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng yêu cầu xuất khẩu tại phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên; xây dựng mô hình sản xuất và phát triển nấm lim xanh, sản xuất Sâm tố nữ, mô hình bảo quản nấm và các sản phẩm từ nấm...

địa chỉ Zalo (số điện thoại 0848.000.000); tổ chức tiếp nhận các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình áp dụng pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực; kịp thời giải đáp hoặc phối hợp với các cơ quan, ban ngành tham gia giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử, trên App BacGiangTCT hoặc Zalo công khai của tỉnh.

Tổ chức các buổi hội nghị, tập huấn cho doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng hiểu biết, thực thi pháp luật, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong thực thi, áp dụng pháp luật cho doanh nghiệp. Giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ; kết quả giải quyết TTHC, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước; thực hiện chế độ công khai, minh bạch trong giải quyết các công việc có liên quan tới doanh nghiệp, nhà đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp của cơ quan Nhà nước.

2.6. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp

2.6.1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp

Tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước tại các khu³⁸, cụm công nghiệp³⁹ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; theo đó, đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong mỗi nội dung phối hợp bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm giữa các đơn vị.

Thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, đôn đốc việc triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo Kế hoạch⁴⁰ về đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư. Các đơn vị xác định rõ trách nhiệm, từng hạng mục công việc, thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch được duyệt; chủ động giải quyết, phối hợp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để bảo đảm hoàn thành công việc theo thời hạn đã đề ra. Nâng cao vai trò, trách nhiệm công tác quản lý nhà nước về khu, cụm công nghiệp của các cơ quan, địa phương; làm cơ sở để kiểm điểm tiến độ, xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

³⁸ (1) Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (2) Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 Ban hành Quy chế quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

⁴⁰ Kế hoạch 1721/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN do doanh nghiệp làm chủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch 93/KH-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh về thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 3393/KH-UBND ngày 15/7/2022 triển khai thực hiện các khu công nghiệp thành lập giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Công văn số 856/TTg-TCCV ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước..., Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo, tăng cường thực hiện phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước, trong đó đặc biệt tập trung đối với các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các TTHC liên quan, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp.

Nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp sau đại dịch Covid-19, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quan tâm đầu tư hạ tầng KCN, CCN, hạ tầng giao thông... Nhờ đó, đã kích lệ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Sản xuất công nghiệp đã duy trì đà phục hồi và đạt được những kết quả nhất định. Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp (theo giá so sánh) năm 2021 đạt 268.047 tỷ đồng, ước năm 2024 đạt 576.809 tỷ đồng và ước năm 2025 ước đạt 729.834 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 dự kiến đạt 28,4%, vượt 2,4% so với mục tiêu Nghị quyết.

2.6.2. Công tác hậu kiểm, kiểm tra tiến độ, tình hình hoạt động dự án đã được chấp thuận đầu tư

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 (thay thế Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 06/3/2020); chỉ đạo các sở, ban ngành tổ chức hậu kiểm, kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, tình hình thực hiện dự án đã được chấp thuận đầu tư nhằm kịp thời chấn chỉnh hoạt động đầu tư.

Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, được phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các đơn vị; tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, tránh phiền hà cho doanh nghiệp; việc kiến nghị xử lý, xử lý sau khi kiểm tra bảo đảm toàn diện, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án, xử lý nghiêm các vi phạm trong các lĩnh vực theo quy định. Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với 142 doanh nghiệp trong khu công nghiệp và 49 dự án ngoài khu công nghiệp.

2.7. Tăng cường quản lý về bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn dịch bệnh phục vụ phát triển công nghiệp

2.7.1. Công tác quản lý về bảo vệ môi trường

Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được chú trọng

nâng cao chất lượng, đặc biệt đối với dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như tái chế kim loại, hóa chất, giặt công nghiệp, chăn nuôi, pin năng lượng mặt trời, xử lý chất thải, chế biến khoáng sản... Hằng năm, tổ chức rà soát, tổng hợp, công khai đánh giá chất lượng tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường làm cơ sở cho nhà đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cũng như việc nắm bắt, giám sát tình hình thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư.

UBND tỉnh đã ban hành văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đơn đốc, yêu cầu chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, CCN chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; đầu tư vận hành trạm xử lý nước thải, khí thải, hệ thống quan trắc môi trường tự động, bảo đảm nước, khí thải, chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định; xây dựng kế hoạch rà soát, đơn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở có nguồn thải lớn trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên phối hợp, đơn đốc chủ đầu tư hạ tầng các KCN, CCN giải quyết phản ánh về môi trường và hệ thống xử lý nước thải; kịp thời xử lý, nâng công suất các trạm xử lý nước thải tập trung phù hợp với điều kiện thực tế; đẩy nhanh tiến độ thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải của các KCN, CCN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tổ chức sản xuất; thường xuyên đơn đốc chủ dự án đầu tư thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu, cụm công nghiệp được quan tâm. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08/17 KCN đã đi vào hoạt động, 100% KCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung, có hệ thống quan trắc tự động được truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường, các KCN đều có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố cho toàn KCN và đều có Hồ sự cố theo quy định. Trong 38 CCN đã đi vào hoạt động có 25/38 CCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (đạt 65,8%), trong đó 05 CCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, 12 CCN đang thực hiện lắp đặt, 8 CCN chưa lắp đặt. Còn 13/38 CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.7.2. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống cháy nổ

Công tác bảo đảm an ninh trật tự: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên tổ chức nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ đối tượng trọng điểm; kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết sớm các vấn đề phức tạp phát sinh, nhất là các vấn đề mới phát sinh có liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt

động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nắm chắc tình hình, phát hiện và giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, bức xúc, khiếu kiện liên quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu, cụm công nghiệp, tình trạng ô nhiễm môi trường, tranh chấp lao động, đình công, lãn công; không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

Chỉ đạo các đơn vị chức năng tập trung đấu tranh ngăn chặn tội phạm có tổ chức, có yếu tố nước ngoài, rửa tiền, tham nhũng, buôn lậu, sản xuất, tiêu thụ hàng giả gian lận thương mại, tín dụng đen, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm môi trường và các vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân liên quan đến các khu, cụm công nghiệp...tập trung triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội tại các địa bàn lân cận nhằm bảo đảm an ninh, an toàn cho doanh nghiệp và người lao động.

Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật tại các khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Chú trọng nắm tình hình, đấu tranh, vô hiệu hóa hoạt động thu thập thông tin tình báo của các cơ quan đặc biệt nước ngoài; âm mưu, ý đồ lợi dụng đầu tư để hoạt động chống phá, thông qua kinh tế để tác động, chuyển hóa chính trị; lợi dụng các cam kết của nước ta trong các hiệp định thương mại thế hệ mới, chế định “tổ chức đại diện của người lao động” để thành lập tổ chức “công đoàn độc lập”; kích động, lôi kéo công nhân đình công, lãn công, biểu tình trái pháp luật, gây mất an ninh, trật tự.

Công tác phòng, chống cháy nổ: Triển khai đồng bộ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC). Thường xuyên chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp bảo đảm nguồn nước chữa cháy theo quy định; tăng cường quản lý, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cấp nước chữa cháy; đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy tại các khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp với phương châm “bốn tại chỗ” (*lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ và hậu cần tại chỗ*); quan tâm đầu tư trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy đáp ứng yêu cầu khi có cháy, nổ xảy ra; hướng dẫn các doanh nghiệp trong công tác bảo đảm an toàn trong phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ trong sản xuất, tập huấn công tác PCCC cho các doanh nghiệp khi đi vào hoạt động; triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày toàn dân PCCC 04/10”.

2.7.3. Tăng cường quản lý về an toàn dịch bệnh phục vụ phát triển công nghiệp

Căn cứ tình hình diễn biến của dịch bệnh tại địa phương, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế xây dựng các quy trình, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về an toàn phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất; có phương án khoanh vùng, cách ly, truy vết, ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh truyền nhiễm đối với người lao động, doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp; hướng dẫn việc bảo đảm duy trì sản xuất trong điều kiện có dịch bệnh xảy ra.

Hàng năm, tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong khu công nghiệp, tổ chức lớp tập huấn, hướng dẫn sơ, cấp cứu cho 17 doanh nghiệp trên địa bàn; tăng cường các hoạt động phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích cho công nhân trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2020-2022, dịch Covid 19 diễn ra nhanh chóng tại Bắc Giang, đợt dịch đầu chủ yếu diễn ra tại các khu công nghiệp và các vùng xung quanh gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và sản xuất của doanh nghiệp. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt về phòng, chống dịch theo chỉ thị Chính phủ. Đẩy mạnh công tác quản lý công tác xét nghiệm COVID-19, tiêm chủng cho người lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp tỉnh và đã thành công trong việc đẩy lùi đại dịch Covid 19.

Thường xuyên tuyên truyền, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh theo mùa, tăng cường dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm...trên hệ thống loa đài, truyền thanh của địa phương tới công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao nhận thức trong thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân phòng, chống dịch bệnh.

2.8. Tập trung phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp

2.8.1. Công tác giáo dục nghề nghiệp phục vụ phát triển công nghiệp

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phân bố trên tất cả địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, bảo đảm mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Nâng cấp các trường trung cấp lên cao đẳng như sáp nhập Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang vào trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; thành lập Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Nghề Miền núi Yên Thế; đề xuất nâng cấp một số Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thành trường trung cấp.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên đổi mới, tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau đào tạo phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn. Các cơ

sở giáo dục nghề nghiệp đã hợp tác với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo lại; đào tạo nghề cho người lao động theo nhu cầu doanh nghiệp; tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; tư vấn giới thiệu việc làm và cung ứng nhân lực; đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp có chuyên môn giỏi, tay nghề cao phù hợp tham gia đào tạo nghề cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo và cung cấp nhân lực chất lượng cao theo đặt hàng của doanh nghiệp..., thường xuyên nắm bắt tình hình lao động trên địa bàn, kịp thời dự báo cung - cầu lao động, tư vấn giới thiệu việc làm từng bước đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.8.2. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: Công nghiệp dệt may, cơ khí, điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản, hóa chất, vật liệu xây dựng... Nghiên cứu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, đề xuất giải pháp nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030.

Tiến hành khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin đánh giá trình độ, năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, các nhóm ngành công nghiệp.

Tích cực chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ nước ngoài nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng, sản phẩm hàng hóa; định hướng, hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh việc áp dụng các công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, hiện đại trong sản xuất, kinh doanh. Trong đó, ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng và đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và cacbon thấp thông qua hoạt động khoa học và công nghệ.

Trí tuệ nhân tạo là một lĩnh vực công nghệ nền tảng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần quan trọng tạo bước phát triển đột phá về năng lực sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững. Thực hiện Quyết định số 127/QĐ-TTg⁴¹, tỉnh đã xây dựng kế hoạch số 59/KH-UBND⁴² nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đối với các lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và

⁴¹ Quyết định số 127/QĐ-TTg⁴¹ ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030

⁴² Kế hoạch số 59/KH-UBND⁴² ngày 31/10/2023 Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030

kinh phí đầu tư; đẩy mạnh triển khai các nền tảng phần mềm và ứng dụng mở về trí tuệ nhân tạo sẵn có; thúc đẩy các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp nước ngoài về trí tuệ nhân tạo. Tham gia các hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2.9. Nâng cao vai trò của mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, tích cực tham gia vào quá trình phát triển công nghiệp

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân trong công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án sản xuất công nghiệp. Tổ chức tuyên truyền tới hệ thống đoàn viên, hội viên và nhân dân về chủ trương, ý nghĩa đặc biệt quan trọng và tính cấp bách của việc triển khai dự án sản xuất; tuyên truyền các nội dung của Luật Đất đai liên quan thu hồi và giải phóng mặt bằng với nhiều hình thức phong phú...

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã cử cán bộ trực tiếp tham gia thành viên Ban Chỉ đạo triển khai dự án, thành viên Tổ công tác tuyên truyền; phối hợp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư cấp huyện và Ban chỉ đạo xã, phường tổ chức hội nghị để trực tiếp thông báo, tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương chính sách pháp luật, quy định của tỉnh, kế hoạch của UBND cấp huyện, xã về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, di chuyển mộ, giải phóng mặt bằng. Tổ chức giao ban dư luận xã hội hằng tháng để nắm những vấn đề nổi cộm, bức xúc liên quan đến các dự án phát triển kinh tế của tỉnh. Phối hợp với cấp ủy, chính quyền cùng cấp nhằm kịp thời nắm bắt tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội để tham mưu, đề xuất phương án giải quyết, tháo gỡ ngay khó khăn vướng mắc.

(Chi tiết các văn bản tham mưu cơ chế chính sách phát triển công nghiệp, kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 147-NQ/TU gửi kèm phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 và 06)

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công nghiệp tiếp tục làm trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các lĩnh vực khác của tỉnh Bắc Giang. Việc thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cơ bản đã bám sát theo quan điểm đường lối của Trung ương, định hướng phát triển của tỉnh. Tiêu biểu là một số ngành sản xuất sản phẩm như: Điện tử và linh kiện, may mặc, sản xuất điện năng..., trong đó một số sản phẩm có quy mô lớn, có thị trường xuất khẩu ổn định và giải quyết việc làm cho nhiều lao động như: May mặc, điện tử... Cơ cấu công nghiệp đã và đang hình thành phù hợp với tiềm năng lợi thế của tỉnh gồm công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp sản xuất điện, nước. Tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã có tác động

lan tỏa đến các ngành khác phát triển (các ngành cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, vật liệu xây dựng...) và hình thành các vùng chuyên canh, vùng cây nguyên liệu, xây dựng được mô hình liên kết sản xuất nông - công nghiệp... góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Mặc dù gần nửa nhiệm kỳ chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh (từ năm 2020-2022), song với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh cùng với sự chủ động của UBND tỉnh thực hiện quyết liệt các cơ chế chính sách đã đạt được kết quả tích cực trong phát triển công nghiệp của tỉnh. Đã thực hiện toàn diện các mục tiêu đề ra, tốc độ tăng trưởng GRDP của ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 19,5%, nằm trong nhóm đứng đầu của cả nước, là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế; cơ cấu ngành công nghiệp có sự chuyển dịch mạnh mẽ.

Thu hút đầu tư FDI của Bắc Giang những năm gần đây đạt kết quả khả quan, các dự án FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, gia công các sản phẩm linh kiện điện tử, may mặc, logistics... Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nằm trong top 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh/thành có chất lượng điều hành kinh tế tốt trong cả nước.

Phát triển công nghiệp đã góp phần rất lớn vào giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động và thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển. Hằng năm, các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp tạo thêm việc làm mới cho hàng vạn lao động địa phương. Bên cạnh đó, thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các dự án công nghiệp, người lao động đã từng bước hình thành tác phong lao động công nghiệp, có ý thức, kỷ luật lao động, học hỏi được các phương thức lao động tiên tiến góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Năng lực và trình độ công nghệ của doanh nghiệp trong nước còn thấp hơn rất nhiều so với doanh nghiệp FDI. Công nghiệp của tỉnh vẫn chủ yếu gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng không cao; tỷ lệ nội địa hóa thấp, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu kết quả còn hạn chế; trình độ công nghệ sản xuất nhìn chung vẫn thấp so với thế giới; chưa hình thành được mô hình các cụm liên kết ngành.

Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Tiến độ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa tạo ra nhiều quỹ đất công nghiệp để thu hút đầu tư; việc hỗ trợ để triển khai một số dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp ở một số địa phương có lúc còn chưa kịp thời. Công tác xây dựng, vận hành các công trình cấp nước tập trung tại một số địa phương chưa thực sự hiệu quả. Giao thông kết nối nội bộ và với các tỉnh, thành phố lân cận còn một số điểm

nghẽn. Chỉ tiêu cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn chưa đạt kế hoạch đề ra.

Chất lượng thu hút đầu tư chưa cao, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn của các tập đoàn lớn, đa ngành, đa quốc gia; một số dự án đầu tư thứ cấp triển khai chậm, không bảo đảm tiến độ theo chứng nhận đăng ký đầu tư; việc giải ngân vốn đầu tư đăng ký của các doanh nghiệp còn thấp.

Công tác quy hoạch vẫn còn nhiều hạn chế, giao thông kết nối một số khu, cụm công nghiệp còn khó khăn. Quy hoạch tỉnh chưa định hướng, đề cập nhiều đến ngành công nghiệp mới như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số trước sự thay đổi nhanh của khoa học và công nghệ. Hạ tầng điện cho sản xuất công nghiệp phát triển chậm hơn tốc độ phát triển công nghiệp; thiếu hạ tầng logistics, dịch vụ trong KCN, quy mô hạn chế chưa đáp ứng với mô hình phát triển công nghiệp - dịch vụ.

Một số doanh nghiệp còn vi phạm quy định của pháp luật trên một số lĩnh vực như: Đầu tư, xây dựng, môi trường, ANTT, PCCC... Tình hình ANTT trong các KCN và khu vực xung quanh các KCN còn tiềm ẩn nhiều phức tạp, nhiều loại hình tội phạm mới và tệ nạn xã hội có nguy cơ tăng cao, trộm cắp tài sản trong doanh nghiệp vẫn tiếp diễn, ATGT, bán hàng rong khu vực xung quanh KCN còn xảy ra.

3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Đại dịch Covid-19, xung đột vũ trang Nga - Ucraina, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, tranh chấp biển đảo, cạnh tranh kinh tế... đã và đang làm cho cục diện thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp, khó đoán dẫn tới gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Xu hướng bảo hộ thương mại của một số quốc gia và căng thẳng thương mại giữa các cường quốc tiếp tục tạo ra rủi ro cho thương mại quốc tế và có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của hàng hóa Việt Nam.

Giá nhiên liệu thế giới tăng cao, giá cả nhiều mặt hàng thiết yếu leo thang, chi phí nguyên liệu đầu vào gia tăng, lạm phát tăng cao, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng đầu vào do chi phí đầu vào tăng tạo sức ép lên hoạt động sản xuất công nghiệp trong nước nói chung cũng như tỉnh Bắc Giang nói riêng.

Suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất của tỉnh khi cả số lượng đơn hàng mới và hoạt động xuất khẩu trong những tháng cuối năm 2022, đầu năm 2023 có mức sụt giảm mạnh. Nguyên nhân là do tổng cầu thế giới giảm dẫn đến số lượng đơn đặt hàng và quy mô đơn hàng giảm... ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chậm ban hành, thường xuyên thay đổi. Ý thức chấp hành các quy định pháp luật của một bộ phận người dân và doanh nghiệp trên một số lĩnh vực chưa cao.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Các doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, sức cạnh tranh yếu, công nghệ sản xuất chậm được đầu tư, đổi mới; quản lý điều hành, quản trị doanh nghiệp chưa bắt kịp với yêu cầu của tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Công tác phân tích, dự báo, xây dựng, triển khai chính sách, giải pháp ứng phó với biến động tình hình của một số cơ quan chức năng còn bị động, chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Sự phối hợp của một số ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp chưa chặt chẽ, trách nhiệm chưa cao. Công tác giám sát, đôn đốc các ngành, UBND các huyện, thành phố chưa thường xuyên, chưa quyết liệt dẫn đến một số chủ đầu tư hạ tầng KCN, CCN chậm triển khai, tiến độ thực hiện chậm so với quyết định phê duyệt.

Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; năng lực, trình độ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, thúc đẩy chuyển đổi tư duy từ phát triển nền công nghiệp phụ thuộc, gia công, lắp ráp sang chủ động sáng tạo, vươn lên, làm chủ công nghệ. Áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại, không ngừng nâng cao năng xuất, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của khu vực và thế giới.

Hai là, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch tạo thuận lợi trong giải quyết công việc cho nhà đầu tư và doanh nghiệp; chú trọng nâng cao trình độ, tinh thần và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ và giải quyết công việc cho nhà đầu tư và doanh nghiệp; tăng cường các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh.

Ba là, phát triển công nghiệp cần phải quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, không đánh đổi môi trường lấy kinh tế; từng bước thoát khỏi sự tăng trưởng công nghiệp dựa vào lao động giá rẻ và hoạt động gia công, lắp ráp. Thực tế cho thấy, công nghiệp tỉnh Bắc Giang phát triển với trình độ hạn chế, nhiều nguyên liệu đầu vào quan trọng chưa sản xuất được nên phụ thuộc lớn vào nhập khẩu; việc tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu ở nhiều sản phẩm vẫn chỉ ở công đoạn cuối cùng nên giá trị gia tăng thấp.

Bốn là, việc xem xét, chấp thuận đầu tư một cách thận trọng đối với cả nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp. Đồng thời, tổ chức xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với các tập đoàn lớn trong nước có năng lực tài chính và kinh nghiệm đầu tư đến đầu tư vào địa bàn tỉnh, bảo đảm hiệu quả bền vững.

Năm là, tăng cường công tác quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Nghị quyết; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phát triển

IV- ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Bối cảnh

Bối cảnh thế giới hiện nay đang có những diễn biến phức tạp và đa chiều, tạo ra cơ hội và thách thức cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ, trí tuệ nhân tạo, các ngành công nghiệp mới; cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, Mỹ và các nước về chính sách thuế, xung đột Nga - Ucraina kéo dài ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và an ninh toàn cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm làm giảm nhu cầu nhập khẩu từ các đối tác, gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, tác động tiêu cực đến dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI); giá năng lượng và lương thực tăng cao; chính sách thắt chặt tiền tệ gây áp lực lên hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, làm tăng chi phí nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam. Biến đổi khí hậu gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng và đời sống người dân. Các vấn đề toàn cầu khác như an ninh lương thực, an ninh năng lượng và dịch bệnh cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho phát triển kinh tế Việt Nam.

Trong nước, nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng ổn định, là “bệ phóng” cho công nghiệp phát triển, tạo ra một môi trường kinh doanh có tiềm năng, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào mở rộng sản xuất công nghiệp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Sự ổn định về chính trị và trật tự xã hội thúc đẩy thu hút đầu tư dài hạn, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp đòi hỏi vốn lớn và thời gian hoàn vốn dài; giúp giảm thiểu rủi ro, nhà đầu tư an tâm “rót vốn” đầu tư vào công nghiệp.

Trung ương đã và đang ban hành nhiều chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng... nhằm khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ và ứng dụng công nghệ cao, tạo “đường băng” cho công nghiệp cất cánh. Sự quan tâm đến chuyển đổi số và ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (AI, IoT, Big Data...) đang ngày càng tăng trong các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam, hứa hẹn nâng cao năng suất và hiệu quả.

Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; ngày 28/4/2025, UBND tỉnh Bắc Giang đã có Tờ trình số 154/TTr-UBND về việc sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang, qua đó mở ra không gian phát triển kinh tế mới, có tiềm lực kinh tế mạnh mẽ hơn, thu hút đầu tư lớn hơn vào lĩnh vực công nghiệp. Mặt khác, việc thực hiện sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang tạo ra những thách thức trong việc tái cơ cấu ngành công nghiệp, cần rà soát, đánh giá và tái cơ cấu các khu công nghiệp hiện có của hai tỉnh để bảo đảm sự phát triển đồng bộ và hiệu quả, tránh cạnh tranh nội bộ; việc quy hoạch phát triển công nghiệp thống nhất, hài hòa cho toàn tỉnh mới, tận dụng được thế mạnh của cả hai địa phương và định hướng phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao là một thách thức không nhỏ.

2. Định hướng phát triển công nghiệp giai đoạn tiếp theo

2.1. Định hướng phát triển chung

Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ số; ưu tiên thu hút và hình thành, phát triển các ngành công nghiệp mới như: Sản xuất chip bán dẫn, sản xuất rô-bốt, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp dữ liệu, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới; công nghiệp dược phẩm, y tế, thiết bị năng lượng tái tạo... Chú trọng thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp trong nước, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tiếp tục thu hút vốn FDI có chọn lọc gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ cao; đưa tỉnh Bắc Ninh (mới) là cực tăng trưởng công nghiệp của cả nước, hình thành trung tâm điện tử hàng đầu Việt Nam và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2.2. Định hướng phát triển ngành công nghiệp

2.2.1. Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp số

Phát triển công nghiệp xanh là định hướng chiến lược then chốt cho phát triển công nghiệp bền vững. Phát triển công nghiệp xanh giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và ứng dụng các công nghệ sạch. Đồng thời, công nghiệp xanh mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả kinh tế nhờ giảm chi phí sản xuất, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh khắt khe của thị trường quốc tế.

Công nghiệp số đang trở thành xu hướng tất yếu trong hoạt động sản xuất, việc ứng dụng rộng rãi các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và tự động hóa vào mọi khâu của quá trình sản xuất, quản lý giúp tối ưu hóa hiệu suất, giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới có hàm lượng công nghệ cao. Đồng

thời, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghệ, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng số và tạo tiền đề cho việc phát triển các nhà máy thông minh, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội toàn diện của tỉnh.

2.2.2. Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, công nghiệp mới

(1) Ngành công nghiệp điện tử: Công nghiệp điện tử là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất và tăng đều qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành và có vai trò quyết định đến tăng trưởng ngành công nghiệp. Sản xuất linh kiện điện tử có xu hướng tăng mạnh, đang và sẽ trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn trong giai đoạn tiếp theo, với nhân tố đến từ các tập đoàn lớn như Công ty TNHH Luxshare Vân Trung; Công ty TNHH Fukang Technology, Công ty Fuyu, Công ty TNHH Fulian thuộc Tập đoàn Hồng Hải, Công Ty TNHH Hana Micron Vina...

(2) Ngành công nghiệp bán dẫn: Ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam đang nổi lên như một điểm sáng phát triển công nghiệp, trong đó Bắc Giang là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước có nhà máy sản xuất bán dẫn do Công Ty TNHH Hana Micron Vina đầu tư. Quy hoạch Vùng trung du và miền núi phía Bắc (*Quyết định 369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/5/2024*) định hướng Bắc Giang trở thành trung tâm sản xuất chất bán dẫn và công nghiệp hỗ trợ. Thời gian tới, sau khi hợp nhất 02 tỉnh, tỉnh Bắc Ninh (mới) dự kiến tập trung phát triển hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn; đa dạng hóa, đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao sản xuất thiết bị bán dẫn, công nghệ thông tin, công nghiệp dược phẩm, y tế, thiết bị năng lượng tái tạo... nhằm nâng cao vị thế ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong chuỗi giá trị toàn cầu.

(3) Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm: Tăng cường thu hút đầu tư để sản xuất, chế biến thực phẩm trở dần tăng tỷ trọng và trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp quan trọng vào nâng cao chuỗi giá trị nông sản của địa phương, chủ động trong khâu tiêu thụ, tháo gỡ khó khăn cho đầu ra của nông sản.

(4) Ngành công nghiệp năng lượng tái tạo: Năng lượng tái tạo là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững; Quy hoạch Điện VIII, Bắc Giang đã được quan tâm bổ sung quy hoạch điện gió, điện mặt trời... Ngoài ra Chính phủ quy định cơ chế ưu đãi, hỗ trợ phát triển hệ thống lưu trữ điện của dự án điện từ nguồn năng lượng tái tạo; chính sách ưu đãi, hỗ trợ việc nghiên cứu, phát triển phù hợp về công nghệ sẽ là cơ hội để ngành công nghiệp năng lượng tái tạo của tỉnh phát triển.

(5) Công nghiệp vật liệu mới: Công nghiệp vật liệu mới nổi lên như một lĩnh vực then chốt, đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển của nhiều ngành kinh tế mũi nhọn, việc chủ động phát triển công nghiệp vật liệu mới sẽ giúp tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2.3. Tăng cường thu hút phát triển doanh nghiệp trong nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân

Việc Mỹ có thể áp thuế cao với nhiều mặt hàng sản xuất tại Việt Nam tạo ra những thách thức không nhỏ cho sự phát triển công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là các ngành hàng xuất khẩu chủ lực sang thị trường này, cụ thể là ngành may, linh kiện điện tử. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để tái cơ cấu thị trường, tăng cường thu hút doanh nghiệp trong nước tham gia đầu tư, sản xuất tại tỉnh, giảm sự phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững hơn.

Bên cạnh việc thu hút đầu tư doanh nghiệp FDI một cách có chọn lọc, tỉnh cần ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn trong nước; thúc đẩy liên kết sản xuất với các doanh nghiệp FDI, tạo nên một hệ sinh thái kinh tế vững mạnh, mang lại cơ hội lớn cho cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Cụ thể, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ gia tăng tỷ lệ nội địa hoá tại Việt Nam, giảm việc nhập linh, phụ kiện từ nước ngoài để đáp ứng hoạt động sản xuất; đối với doanh nghiệp Việt Nam, sẽ có cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tiếp cận công nghệ của nước ngoài, nâng cao trình độ, năng lực sản xuất.

Tiếp tục nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, sử dụng máy móc hiện đại trong hoạt động sản xuất; kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong nước ứng phó với tình hình mới, tập trung vào việc đa dạng hóa thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm của tỉnh.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thời gian tới

3.1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với nhiệm vụ phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh phổ biến, quán triệt, tuyên truyền về chủ trương, định hướng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phát triển công nghiệp; tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của phát triển công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương. Thúc đẩy khát vọng vươn lên, tinh thần quyết tâm, quyết liệt đổi mới sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển công nghiệp trong thời gian tới.

3.2. Quan tâm nâng cao chất lượng quy hoạch; rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, trong đó quan tâm phân bổ không gian hợp lý, phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương; xây dựng phương án phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp gắn với đô thị, dịch vụ; quy hoạch chi tiết các khu đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn theo hướng xanh; khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, sinh thái, công nghệ cao...

3.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, thu hút có chọn lọc, ưu tiên dự án có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, các dự án của các tập đoàn, nhà đầu tư chiến lược, có khả năng kiến tạo hệ sinh thái công nghiệp bền

vững và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; khai thác tối đa sức mạnh của "đầu tư tại chỗ", biến các doanh nghiệp hiện hữu thành "đại sứ" thu hút đầu tư, thông qua việc tạo điều kiện để doanh nghiệp mở rộng quy mô, nâng cấp công nghệ và kết nối với các đối tác toàn cầu. Ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn trong nước; thúc đẩy liên kết sản xuất với các doanh nghiệp FDI, tạo nên một hệ sinh thái kinh tế vững mạnh, mang lại cơ hội lớn cho cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa.

3.4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tiếp tục rà soát, sửa đổi các TTHC theo hướng minh bạch, thông thoáng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành; số hóa toàn diện các TTHC, xây dựng nền tảng dịch vụ công tích hợp và cá nhân hóa trải nghiệm của nhà đầu tư. Cải cách thực chất TTHC, khuyến khích các sáng kiến đơn giản hóa quy trình; đưa ra các giải pháp duy trì nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAR Index, PAPI, SIPAS; hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng, phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cả trong và ngoài khu, cụm công nghiệp, đặc biệt ưu tiên hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước ... thúc đẩy công nghiệp phát triển.

3.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Tập trung xác định và tháo gỡ những "điểm nghẽn" đang cản trở sự phát triển của doanh nghiệp; đồng thời, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất. Tăng cường các hoạt động tương tác, đối thoại để nắm bắt thông tin từ doanh nghiệp, quan tâm tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất; thực hiện tốt các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong tìm kiếm cơ hội đầu tư, đổi mới công nghệ, xúc tiến thương mại. Chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp các quy định pháp luật và chính sách của tỉnh, Trung ương liên quan đến phát triển công nghiệp.

3.6. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp. Đẩy mạnh phân công, phân cấp, ủy quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, từ khâu quy hoạch, thu hút đầu tư đến quá trình sản xuất; tăng cường công tác hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư và kiên quyết xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.7. Tiếp tục tăng cường quản lý về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn dịch bệnh phục vụ phát triển công nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường, công tác tập huấn, trang bị về an toàn vệ sinh lao động; tích cực rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục nguy cơ cháy, nổ tại doanh nghiệp.

3.8. Tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp. Tập trung xây dựng một hệ sinh thái đào tạo linh hoạt và toàn diện; chú trọng đào tạo các kỹ năng chuyên môn đặc thù cho các ngành công nghiệp mũi nhọn như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; tăng cường sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp thông qua các chương trình hợp tác, thực tập và đào tạo theo địa chỉ, nhằm bảo đảm tính ứng dụng và hiệu quả của đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động được học tập thường xuyên, nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu khoa học, đổi mới quy trình sản xuất và ứng dụng công nghệ mới, tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ kết nối với các mạng lưới đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển công nghiệp.

3.9. Tiếp tục nâng cao vai trò của mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tham vào quá trình phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân về tầm quan trọng của công nghiệp đối với sự phát triển của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương về phát triển công nghiệp; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội; bảo vệ quyền lợi của người lao động, đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và xây dựng văn hóa doanh nghiệp; vận động và giám sát doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Nơi nhận:

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, | (báo cáo)
- Đảng ủy Bộ Công Thương,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Thị Hương

Phụ lục 1: Các văn bản tham mưu cơ chế chính sách phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TTU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
1	Tỉnh ủy	Chỉ thị số 05-CT/TTU ngày 05/5/2021	Chỉ thị về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới
		Nghị quyết số 105-NQ/TTU ngày 28/4/2021	Nghị quyết về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025
		Nghị quyết số 110-NQ/TTU ngày 09/6/2021	Nghị quyết về phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
		Nghị quyết số 111-NQ/TTU ngày 11/6/2021	Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
		Nghị quyết số 147-NQ/TTU ngày 15/7/2021	Nghị quyết về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030
		Kết luận số 103-KL/TTU ngày 09/6/2021	Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TTU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
		Kết luận số 120-KL/TTU ngày 08/8/2021	Kết luận về tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TTU ngày 11/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra đề xù lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai
		Kết luận số 55-KL/TTU ngày 07/3/2021	Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TTU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
		Kế hoạch số 20-KH/TTU ngày 09/6/2021	Kế hoạch về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới
		Kế hoạch số 89-KH/TTU ngày 14/6/2023	quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
		Kết luận số 298-KL/TTU ngày 14/6/2024 của Ban thường vụ Tỉnh ủy	về kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay
		Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 08/10/2021	Thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
2	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2026
		Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 6/4/2022	Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Giang đến năm 2030
		Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Bắc Giang
		Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 26/7/2022	Nghị quyết về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2022.
		Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)
		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Quang Châu 2, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)
		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)
		Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024	Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Yên Lư (phần mở rộng), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)
		Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 19/02/2025	Quy định một số chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2025-2030
		Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	Thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000
		Nghị quyết 3/NQ-HĐND ngày 02/1/2024	Nghị quyết về việc thông qua chương trình phát triển đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045.
		Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Bắc Giang
		Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06/5/2024	Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 6/5/2024	Nghị quyết thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Song Mai - Nghĩa Trung, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000.

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
	Năm 2021		
	Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 20/9/2021		về việc phòng, chống dịch Covid-19 tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 27/8/2021		Quyết định về việc xác định Chỉ số CCHC đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 31/7/2021		về việc phê duyệt "Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Giang đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới"
	Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021		quy định một số nội dung về đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Quyết định 62/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021		Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang
	Quyết định số 189 /QĐ-UBND ngày 15/9/2021		Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất và phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Quyết định số 555/QĐ – UBND ngày 19/7/2021		Ban hành đề án vận tải hành khách xe đưa đón công nhân
	Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 26/6/2021		Về Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025
	Kế hoạch 1721/KH-UBND ngày 23/4/2021		về đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 21/8/2021		Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030
	Kế hoạch số 6891/KH-UBND ngày 28/12/2021		Kế hoạch CCHC tỉnh Bắc Giang năm 2022
	Kế hoạch số 2198/KH-UBND ngày 17/5/2021		Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAP1 tỉnh Bắc Giang năm 2021
	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 22/1/2021		Kế hoạch về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2021
	Kế hoạch 5584/KH-UBND ngày 22/10/2021		về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
		Kế hoạch số 547/KH-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh	về phát triển doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
		Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/07/2021	về triển khai Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
		Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021	hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025
		Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021	về triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Kế hoạch số 286/KH – UBND ngày 22/6/2021	về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện kết luận số 55 – KL/TU ngày 7/3/2021 của Tỉnh ủy Bắc Giang về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113 – NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
		Kế hoạch 340/KH-UBND ngày 16/7/2021	về Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội giai đoạn 2021 - 2025
		Quyết định 751/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	về việc ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 29/8/2021	về nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025
		Kế hoạch số số 242/KH-UBND ngày 04/6/2021	Kế hoạch Nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 của tỉnh Bắc Giang
		Công văn số 5051/UBND-KGVX ngày 28/9/2021	về tăng cường ứng dụng kết quả các đề tài, dự án KH&CN vào sản xuất và đời sống
		Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2030
		Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 31/7/2021	về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Giang đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.
		Quyết định số 693/QĐ-UBND	v/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên
		Năm 2022	

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
		Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022	về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022	về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030
		Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	về phê duyệt Phương án cấm mốc lộ giới ngoài thực địa theo Quy hoạch giao thông vận tải tích hợp trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	Quy chế phối hợp quản lý nhà nước tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	về việc thành lập Trung tâm Y tế Các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022	Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (thay thế Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh).
		Kế hoạch số 3393/KH-UBND ngày 15/7/2022	Về triển khai thực hiện các khu công nghiệp thành lập giai đoạn 2022-2025
		Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 19/1/2022	Kế hoạch về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2022
		Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 07/7/2022	Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022
		Kế hoạch số 6478/KH-UBND ngày 26/12/2022	Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2022
		Kế hoạch số 2665/KH-UBND ngày 11/6/2022	Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS năm 2022
		Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/02/2022	thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
		Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 20/01/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022
		Kế hoạch số 1789/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	về triển khai thực hiện các nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 và kế hoạch chuyển đổi số của các cơ quan, địa phương.

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
3	UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 29/04/2022	triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh
		Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	về việc xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành công vụ năm 2022
		Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022
		Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện năm 2022
		Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/3/2022	về Nâng cao chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11/9/2022	ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	ban hành quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030
		Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	về việc giao nhiệm vụ trọng tâm; chấp thuận nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, một số cơ quan Trung ương trên địa bàn và Chủ tịch UBND huyện, thành phố năm 2023
		Quyết định số 1354/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đồng Phúc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 161/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Việt Hàn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500)
		Quyết định số 343/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Hà Thịnh, huyện Hiệp Hòa (tỷ lệ 1/500)
		Quyết định số 481/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Ninh Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500)
		Năm 2023	
		Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 18/1/2023	Kế hoạch về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
		Kế hoạch số 44/KH-UBND tỉnh ngày 04/3/2023	về tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang năm 2023
		Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 31/5/2023 (thay thế Kế hoạch 1721/KH-UBND)	về đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Văn bản hướng dẫn số 1670/UBND-NC ngày 10/4/2023	triển khai đánh giá chế độ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị năm 2023
		Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	về việc xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành nhiệm vụ, công vụ năm 2023
		Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 29/12/202	về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Bắc Giang năm 2024
		Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	về việc xác định Chi số CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện
		Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	phê duyệt và công bố Chi số CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện năm 2023
		Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	phê duyệt và công bố Chi số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2023
		Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 08/8/2023	triển khai thực hiện Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 14/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản trị, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
		Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 05/9/2023	triển khai thực hiện Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 31/10/2023	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang
		Năm 2024	
		Quy chế 1/2014/QĐ-UBND ngày 02/01/2024	Ban hành Quy chế quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	về việc giao và chấp thuận nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị năm 2024

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
		Văn bản hướng dẫn số 2096/UBND-NC ngày 25/4/2023	triển khai đánh giá chế độ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị năm 2024
		Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	về việc xác định Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
		Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang	về duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương tỉnh Bắc Giang năm 2024 và những năm tiếp theo
		Quyết định số 461/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoan Bái, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500
		Quyết định số 695/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)
		Quyết định số 790/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)
		Quyết định số 1554/QĐ-UBND	QĐ v/v công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Bắc Giang
		Quyết định số 838/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)
		Quyết định số 1038/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tỷ lệ 1/25.000
		Quyết định số 940/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)
		Quyết định số 1289/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)
		Quyết định số 369/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Yên Lư (phần mở rộng), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 399/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Châu Minh – Bắc Lý – Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 865/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đức Giang, huyện Yên Dũng (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 871/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Xuân Cẩm - Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 856/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tiên Sơn - Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)
		Quyết định số 1188/QĐ-UBND	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
	Quyết định số 1423/QĐ-UBND		QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000
	Quyết định số 463/QĐ-UBND		QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, (tỷ lệ 1/500)
	Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 30/7/2024		về đào tạo nhân lực phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.
	Báo cáo số 2829-BC/BCSD ngày 07/6/2024		tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay, bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới
	Kế hoạch số 145-KH/TU ngày 04/9/2024		thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn
	Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 6/12/2024		Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công doàn; nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng; nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 03/5/2024		KH duy trì, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Bắc Giang năm 2024
	Kế hoạch 202/KH-UBND 30/12/2024		KH Đào tạo, bồi dưỡng đổi ngũ chuyên gia pháp lý tư vấn khi tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	Kế hoạch 201/KH-UBND 27/12/2024		V/v Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025
	Năm 2025		
	Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 30/10/2024		về Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025
	QĐ 197/QĐ-UBND ngày 5/3/2025		QĐ v/v tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
	KH 31/KH-UBND ngày 28/2/2025		Về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2025
	Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 16/01/2025		về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2025
	QĐ 98/QĐ-UBND 26/01/2025		QĐ V/v Phê duyệt Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2025

STT	Cấp ban hành văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên văn bản
		Kế hoạch số 10/KH-UBND 26/01/2025	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025
		Kế hoạch 9/KH-UBND 24/01/2025	KH thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ: ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
		Kế hoạch 13/KH-UBND 17/01/2025	KH Tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025
		Kế hoạch 11/KH-UBND 16/01/2025	V/v kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2025
		Kế hoạch 1/KH-UBND 04/01/2025	V/v Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2025-2030

Phụ lục 2: Danh mục kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030 (tính đến tháng 04/2025)

(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TTU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao chất lượng công tác lập và quản lý quy hoạch phát triển công nghiệp					
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư <i>(nay là Sở Tài chính)</i>	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022
2	Xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án đầu tư hạ tầng giao thông trọng điểm và cơ chế tạo vốn từ tiền sử dụng đất các khu đô thị, Khu dân cư mới giai đoạn 2021-2025 để đầu tư các công trình giao thông trọng điểm của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư <i>(nay là Sở Tài chính)</i>	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	HĐND tỉnh	<i>Nội dung này đã được điều chỉnh không triển khai thực hiện</i>	Năm 2021
3	Xây dựng phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Bộ Công Thương; các sở, ngành có liên quan; Công ty Điện lực BG	UBND tỉnh	Phương án phát triển mạng lưới điện đã được tích hợp vào QH tỉnh và được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022
4	Xây dựng Quy định thu hút đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	- Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND quy định một số nội dung về đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang - Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang	Năm 2021

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
5	Tổ chức cắm mốc ranh giới các KCN, CCN được quy hoạch trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý	UBND huyện, TP	BQL các KCN tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan		Đã triển khai được một số KCN: Yên Lư, Tân Hưng,... và một số CCN đang tiến hành khảo sát	Năm 2021-2022

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
6	Xây dựng, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chuyên canh tập trung, quy mô lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>)	Các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TP, thị xã	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>)	Kế hoạch số 71/KH-SNN ngày 28/9/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến đối với các sản phẩm nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
II Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu hút đầu tư phát triển công nghiệp						
1	Đôn đốc, phối hợp Nhà đầu tư hoàn thành hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với 03 KCN bổ sung mới (KCN Yên Lư, KCN Yên Sơn - Bắc Lũng, KCN Tân Hưng) và phân diện tích mở rộng 02 KCN (KCN Quang Châu, Hòa Phú)	Ban quản lý các KCN tỉnh	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	Thủ tướng Chính phủ	1-KCN Tân Hưng: Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ 2-KCN Yên Lư: Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ 3-KCN Quang Châu mở rộng: Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 04/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ 4-KCN Hòa Phú mở rộng: Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ 5-KCN Phúc Sơn: Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ 6-KCN Việt Hàn mở rộng: Quyết định 196/QĐ-TTg ngày 26/02/2024 7-KCN Yên Lư mở rộng: Quyết định 636/QĐ-TTg ngày 12/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ. 8-KCN Châu Minh-Bắc Lý-Hương Lâm: Quyết định số 022/QĐ-TTg ngày 16/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2021-2022
2	Xây dựng danh mục các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là <i>Sở Tài chính</i>)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	QĐ 382/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; QĐ 810/QĐ-UBND ngày 06/8/2022; QĐ 1099/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 và đang thực hiện hàng năm	Năm 2021
3	Xây dựng Bộ tài liệu tổng hợp dùng chung để giới thiệu tiềm năng, định hướng phát triển trên các lĩnh vực của tỉnh; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh; cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là <i>Sở Tài chính</i>)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Năm 2022
4	Thẩm định cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các doanh nghiệp vào KCN theo hướng thu hút các dự án đầu tư: sử dụng ít đất và ít lao động; có công nghệ cao, có suất đầu tư cao và số nộp ngân sách cao	Ban quản lý các KCN tỉnh	Các sở, ngành có liên quan	Ban quản lý các KCN tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
5	Thẩm định cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các doanh nghiệp vào CCN theo hướng thu hút các dự án đầu tư: sử dụng ít đất và ít lao động; có công nghệ cao, có suất đầu tư cao và thu nộp ngân sách cao	Sở Kế hoạch và Đầu tư (may là Sở Tài chính)	Các sở, ngành có liên quan	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
III Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh						
1	Xây dựng Kế hoạch nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), định kỳ tổ chức các hội nghị phân tích chỉ số PCI và hội nghị triển khai kế hoạch nâng hạng PCI	Sở Kế hoạch và Đầu tư (may là Sở Tài chính)	VCCI; các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	UBND tỉnh	Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 07/7/2022 Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022	Hàng năm
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm về năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và các huyện, thành phố (DDCI).	Sở Kế hoạch và Đầu tư (may là Sở Tài chính)	VCCI; các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	UBND tỉnh	Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 17/6/2021 Kế hoạch Khảo sát, đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang (DDCI) năm 2021	Hàng năm
3	Xây dựng và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phục vụ hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
4	Xây dựng và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang	Sở Nội vụ	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
5	Xây dựng và triển khai phần mềm thực hiện TTHC liên thông tới cấp xã đối với lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Thông tin và Truyền thông (may là Sở Khoa học và Công nghệ)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
6	Rà soát, đơn giản hóa quy định TTHC, loại bỏ các thủ tục rườm rà, thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai có nội dung trùng lặp thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương			Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
7	Tổ chức các hội nghị gấp gổ, trao đổi giữa Lãnh đạo tỉnh, Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố với các doanh nghiệp trên địa bàn để kịp thời hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	Hiệp hội DN tỉnh; các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	UBND tỉnh UBND huyện, TP, thị xã	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
IV Nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp						
1	Hoàn thành công tác giao đất cho Chủ đầu tư KCN Việt Hàn, giai đoạn 1: 50ha	UBND huyện Việt Yên (nay là Thị xã Việt Yên)	Sở Tài nguyên và Môi trường; BQL các KCN tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh	Đã hoàn thành việc giao đất GD 1: 50ha, đang tiếp tục triển khai GD2: 148 ha	Năm 2021-2022
2	Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho Nhà đầu tư CCN: Hợp Thịnh, Thanh Vân, Việt Nhật, Việt Tiến, Tăng Tiến, Nội Hoàng, Yên Lư, Nham Sơn - Yên Lư, Đình Trĩ.	UBND huyện Hiệp Hòa, Yên Dũng, TP. Bắc Giang, thị xã Việt Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan	UBND tỉnh	Đã hoàn thành việc giao đất cho các CCN: Nham Sơn - Yên Lư, Yên Lư; còn các CCN: Hợp Thịnh, Thanh Vân, Tăng Tiến, Nội Hoàng, Việt Nhật, Việt Tiến và Đình Trĩ đang tiếp tục triển khai dự kiến hoàn thành trong năm 2025	Năm 2021
3	Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho Nhà đầu tư: KCN Yên Lư, KCN Yên Sơn - Bắc Lũng, KCN Tân Hưng và phần diện tích mở rộng của KCN Quang Châu, KCN Hòa Phú, KCN Việt Hàn	UBND huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lạng Giang, Hiệp Hòa, thị xã Việt Yên,	Sở Nông nghiệp và Môi trường; BQL các KCN tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh	- CN Tân Hưng: hoàn thành GPMB và cho thuê 100% diện tích của KCN - KCN Yên Lư: Đã GPMB 142/377ha; được UBND tỉnh cho thuê 58,31ha- KCN Quang Châu mở rộng: Đã GPMB 83,3/90ha; được UBND tỉnh cho thuê 69ha - KCN Hòa Phú mở rộng: GPMB 50,2/85ha; còn lại KCN Yên Sơn - Bắc Lũng và đang triển khai thủ tục chấp thuận đầu tư.	2021-2025

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
4	Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho Nhà đầu tư CCN; CCN: Hà Thịnh, Doan Bái, Doan Bái-Lương Phong 1, Doan Bái-Lương Phong 2, JUTECH, Trung Sơn-Ninh Sơn, Đồng Đình, Lăng Cao, Hương Sơn, Đại Lâm, Nghĩa Hòa (mở rộng), Lan Sơn 2, Tiên Hưng, Mỹ An, Tân Mỹ (mở rộng)...	UBND các huyện, TP, thị xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan	UBND tỉnh	Đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho Nhà đầu tư CCN: Hà Thịnh, Doan Bái, Doan Bái-Lương Phong 1, Doan Bái-Lương Phong 2, JUTECH, Trung Sơn-Ninh Sơn, Đồng Đình, Lăng Cao, Hương Sơn, Đại Lâm, Nghĩa Hòa (mở rộng), Lan Sơn 2, Tiên Hưng, Mỹ An, Tân Mỹ (mở rộng)... dự kiến đến 2025 hoàn thành	2021-2025
5	Triển khai, tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	2021-2025
6	Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch khuyến công, xúc tiến thương mại, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sản xuất sạch hơn, thương mại điện tử nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, giám giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Chủ tịch UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
7	Rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các doanh nghiệp đã được chấp thuận đầu tư, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh; tham mưu thảo thảo gỡ khó khăn, vướng mắc; đề xuất xử lý đối với các dự án chậm tiến độ, vi phạm Luật Đầu tư”	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
V	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp					
1	Xây dựng Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	- Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Quy chế 1/2014/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 Ban hành Quy chế quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Năm 2021
2	Xây dựng Quyết định chỉnh sửa, bổ sung (hoặc thay thế) Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQL các KCN tỉnh	BQL các KCN tỉnh	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang	Năm 2022
3	Xây dựng Quyết định chỉnh sửa, bổ sung (hoặc thay thế) Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, HTX, liên hiệp HTX trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Quyết định (chưa ban hành)	Năm 2022
4	Xây dựng Quyết định chỉnh sửa, bổ sung (hoặc thay thế) Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh	Ban quản lý các KCN tỉnh	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Quyết định 38/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh	Năm 2022

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện kiểm tra và kiến nghị xử lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (đã được thay thế bằng Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Đang thực hiện (Kế hoạch tổng thể số 28/KH-SKHDĐT ngày 04/5/2021 kiểm tra các dự án đầu tư năm 2021; Kế hoạch tổng thể số 20/KH-SKHDĐT ngày 16/02/2022 kiểm tra các dự án đầu tư năm 2022)	Hàng năm
VI	Tăng cường quản lý về bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn dịch bệnh phục vụ phát triển công nghiệp					
1	Xây dựng Quyết định chỉnh sửa, bổ sung (hoặc thay thế) Quyết định ban hành Quy định quản lý tạm trú của người nước ngoài trong các KCN tỉnh trên địa bàn tỉnh	BQL các KCN tỉnh	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/9/2022 Bãi bỏ Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý tạm trú của người nước ngoài trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Năm 2022
2	Tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	BQL các KCN tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các huyện, TP, thị xã		Ban Quản lý các KCN đã phối hợp cùng Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lớp “Bồi dưỡng kiến thức kiểm kê và giám phát thải khí nhà kính thực hiện theo NDC giai đoạn 2024 - 2030”; Phổ biến, đề nghị doanh nghiệp hưởng ứng “Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2024”	Hàng năm
3	Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
4	Thực hiện kiểm tra hành chính đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm hành chính về môi trường hoặc khi có tố giác, tin báo về vi phạm hành chính theo quy định	Công an tỉnh	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
5	Tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ “Về công tác đảm bảo an ninh, trật tự đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài”.	Công an tỉnh	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
6	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai Kế hoạch số 22-KH.TU ngày 29/6/2021 của BTV Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư TW Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy	Công an tỉnh	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Kế hoạch 5061/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành kế hoạch Thực hiện Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy	Hàng năm
7	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp số 03/QCPH-BCA-TLĐLĐ ngày 12/9/2017 giữa Bộ Công an và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong công tác bảo đảm an ninh trật tự	Công an tỉnh	Liên đoàn lao động tỉnh, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
8	Tiếp tục thực hiện tốt Đề án số 201/ĐA-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2020-2025”	Công an tỉnh	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
9	Hướng dẫn các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp triển khai thực hiện các biện pháp bảo đảm ANTT, an toàn tài sản trong doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết, phổ biến và nhân rộng mô hình “Đội công nhân tự quản bảo đảm ANTT, an toàn tài sản” tại doanh nghiệp trong các khu công nghiệp	Công an tỉnh	BQL các KCN tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
VII Tập trung phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp						
1	Đề án phát triển thị trường công nghệ đến năm 2030	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	Năm 2021
2	Quy định mức hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	UBND tỉnh	Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm...	Năm 2021
3	Xây dựng một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, thu hút đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay thuộc nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo)	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	2021-2022
4	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 2905/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh triển khai Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, TP, thị xã		Đang thực hiện hàng năm	2021-2025
5	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh về Đào tạo nghề và các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay thuộc nhiệm vụ của Sở Nội vụ)	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ sở GDNN		Đang thực hiện hàng năm	2021-2025

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan ban hành	Kết quả (sản phẩm)	Thời gian hoàn thành
6	Thu thập số liệu, xây dựng hệ thống thông tin gắn với phân tích, dự báo và cung ứng dịch vụ thông tin thị trường lao động; phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay thuộc nhiệm vụ của Sở Nội vụ)	Các sở, ngành có liên quan; các trường Đại học, cao đẳng; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm
7	Tham mưu, triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	Các sở, ngành là cơ quan chủ quản và các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý	UBND tỉnh	Đang thực hiện hàng năm	Hàng năm

Phụ lục 3: Kết quả thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

STT	MỤC TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Ước năm 2025	Giai đoạn 2021-2025
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2030 bình quân đạt 19%/năm.	%	12.9	32.2	19.3	20.2	16.6	19.5
	Đóng góp trong cơ cấu GRDP của tỉnh từ 49,7% năm 2020 lên 60% vào năm 2030	%	49.8	56.5	58.8	61.9	62.1	
2	Tốc độ tăng trưởng GTSXCN bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 26%/năm.	%	18.2	36.6	22.2	28.7	26.9	
	Đến năm 2030, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đạt khoảng 2.200.000 tỷ đồng	tỷ đồng	268,407	366,710	448,202	574,757	729,843	28.4
	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành)	tỷ đồng	320,352	445,085	539,686	684,737	860,217	28.0
3	Huy động vốn đầu tư phát triển trong lĩnh vực công nghiệp giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 855 nghìn tỷ đồng.	tỷ đồng	30,952	36,053	41,654	44,916	47,198	226,335
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong lĩnh vực công nghiệp đến năm 2030 đạt trên 90%	%	72.0	74.0		78.0	80.0	
	Trong đó: + Tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40%	%	26.7	28.1		34.0	35.0	
	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 11%/năm.	%	11.3	11.8	11.03	13.6	11.9	12.9
5	Tỷ trọng đóng góp vào ngân sách nhà nước của tỉnh của ngành công nghiệp từ 30,9% năm 2020 lên 36% vào năm 2030	%	32.59	38.75	39.13	38.98	43.20	
5	Thành lập mới 23 khu công nghiệp (KCN); mở rộng 05 KCN; sáp nhập 06 KCN vào KCN, với tổng diện tích 6.518 ha; nâng tổng số KCN trên địa bàn tỉnh vào năm 2030 là 29 KCN, với tổng diện tích 7.840 ha. Thành lập mới 29 cụm công nghiệp (CCN) và mở rộng 03 CCN, với tổng diện tích 1.853 ha, đưa ra khỏi quy hoạch 09 CCN, với diện tích 372,6ha; nâng tổng số CCN trên địa bàn tỉnh vào năm 2030 là 66 CCN, với tổng diện tích 3.209ha. Trong đó, đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất 05 KCN, 09 CCN mới đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, tổ chức thu hút dự án đầu tư thủ cấp.	KCN, CCN	Thành lập mới 03 KCN: Tân Hưng 105,3; Yên Lư 377; Việt Hàn 50ha	- Mở rộng 2 KCN: Hòa Phú (85ha) và KCN Quang Châu (90ha)	Thành lập mới 5 CCN; đưa ra khỏi quy hoạch và xóa bỏ 02 CCN: Cầu Gò và Trại Ba	- Mở rộng 02 KCN: Việt Hàn mở rộng 147,3ha; Yên Lư mở rộng 119,83ha; Song Mai-Nghĩa Trung 197,1ha; Nghĩa Hưng; Mỹ Thái; Đông Phúc; KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn	- Thành lập mới 05 KCN: KCN Song Mai-Nghĩa Trung 197,1ha; Nghĩa Hưng; Mỹ Thái; Đông Phúc; KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn	- Dự kiến thành lập mới 03 KCN; Thành lập mới 02 CCN

Phụ lục 4: Kết quả giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

TT	Ngành/TP kinh tế	Đơn vị tính	2021	2022	2023	2024	Ước 2025	Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021-2025
A	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh	triệu đồng	268,407,168	366,710,019	448,202,339	574,757,014	729,842,721	28.4
	Trong đó: KCN	triệu đồng	227,105,220	319,166,149	389,679,769	514,550,390	641,842,653	29.7
	Chia theo TP kinh tế							
I	Nhà nước	triệu đồng	5,531,305	6,048,469	6,702,055	6,664,032	7,293,667	7.2
2	Ngoài nhà nước	triệu đồng	24,689,838	44,034,394	42,476,596	45,622,132	57,894,485	23.7
	Trong đó: Cá thể	triệu đồng		5,660,934	7,509,787	8,266,305		
3	Có vốn nước ngoài	triệu đồng	224,666,879	315,328,098	399,023,688	522,492,335	656,429,986	30.7
II	Chia theo ngành							
1	CN khai thác	triệu đồng	1,102,591	922,349	835,319	814,342	1,312,860	4.5
2	CN chế biến	triệu đồng	251,171,215	362,513,790	445,519,765	572,084,287	724,625,768	30.3
3	CN SX, PP điện	triệu đồng	2,238,713	1,562,757	1,375,774	1,503,287	2,917,467	6.8
4	CN khai thác, CC nước	triệu đồng	375,504	318,185	471,481	355,098	510,557	8.0
III	Tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp							
1	CN khai thác	%	0.43	0.25	0.19	0.14	0.18	
2	CN chế biến	%	98.54	99.21	99.40	99.53	99.35	
3	CN SX, PP điện	%	0.88	0.43	0.31	0.26	0.40	
4	CN khai thác, CC nước	%	0.15	0.09	0.11	0.06	0.07	
B	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành	triệu đồng	320,353,183	445,084,976	539,686,119	684,736,699	860,216,553	28.0
	Trong đó: KCN	triệu đồng	272,940,252	368,310,424	448,573,344	587,673,204	705,224,021	26.8
I	Chia theo TP kinh tế							
1	Nhà nước	triệu đồng	7,051,944	10,041,119	10,847,671	11,610,705	13,760,469	18.2
2	Ngoài nhà nước	triệu đồng	34,203,237	62,908,555	62,752,734	69,426,434	86,002,929	25.9
	Trong đó: Cá thể	triệu đồng	-	7,905,521	10,443,856	11,691,408	12,900,439	
3	Có vốn nước ngoài	triệu đồng	279,098,002	367,804,455	465,699,714	603,699,560	756,825,779	28.3
II	Chia theo ngành							
1	CN khai thác	triệu đồng	2,211,227	1,974,774	1,918,476	1,880,313	2,580,088	3.9

2	CN chế biến	triệu đồng	314,490,953	435,433,780	533,449,219	679,090,332	852,719,045	28.3
3	CN SX, PP điện	triệu đồng	2,980,899	2,814,548	3,087,914	3,156,972	3,870,132	6.7
4	CN khai thác, CC nước	triệu đồng	670,105	531,027	844,510	609,082	860,029	6.4
III	Tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp							
1	CN khai thác	%	0.690	0.448	0.356	0.275	0.30	
2	CN chế biến	%	98.170	98.793	98.915	99.175	99.15	
3	CN SX, PP điện	%	0.931	0.639	0.573	0.461	0.45	
4	CN khai thác, CC nước	%	0.209	0.120	0.157	0.089	0.10	
B	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh	triệu đồng	268,407,168	366,710,019	448,202,339	574,757,014	729,842,721	28.4
	<i>Trong đó: KCN</i>	triệu đồng	227,105,220	319,166,149	389,679,769	514,550,390	641,842,653	29.7
I	Chia theo TP kinh tế							
1	Nhà nước	triệu đồng	5,531,305	6,048,469	6,702,055	6,664,032	7,293,667	7.2
2	Ngoài nhà nước	triệu đồng	24,689,838	44,034,394	42,476,596	45,622,132	57,894,485	23.7
	<i>Trong đó: Cá thể</i>	triệu đồng		5,660,934	7,509,787	8,266,305		
3	Có vốn nước ngoài	triệu đồng	224,666,879	315,328,098	399,023,688	522,492,335	656,429,986	30.7
II	Chia theo ngành							
1	CN khai thác	triệu đồng	1,102,591	922,349	835,319	814,342	1,312,860	4.5
2	CN chế biến	triệu đồng	251,171,215	362,513,790	445,519,765	572,084,287	724,625,768	30.3
3	CN SX, PP điện	triệu đồng	2,238,713	1,562,757	1,375,774	1,503,287	2,917,467	6.8
4	CN khai thác, CC nước	triệu đồng	375,504	318,185	471,481	355,098	510,557	8.0
III	Tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp							
1	CN khai thác	%	0.43	0.25	0.19	0.14	0.18	
2	CN chế biến	%	98.54	99.21	99.40	99.53	99.35	
3	CN SX, PP điện	%	0.88	0.43	0.31	0.26	0.40	
4	CN khai thác, CC nước	%	0.15	0.09	0.11	0.06	0.07	
C	Chỉ số sản xuất phân theo ngành công nghiệp							
1	Sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	%	121.55	141.61	121.83	163.92	120.00	
2	Sản xuất thiết bị điện	%	90.47	154.41	130.28	83.67	40.00	
3	Sản xuất trang phục	%	106.13	91.57	78.94	118.81	105.00	

4	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	%	104.12	105.59	97.45	92.66	95.00	
5	Công nghiệp cơ khí							
	+ Sản xuất kim loại	%	137.17	117.48	108.80	70.55	80.00	
	+ Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	%	102.30	105.69	101.16	106.37	105.00	
	+ Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	%	85.31	97.62	97.06	93.38	90.00	
6	Sản xuất, chế biến thực phẩm	%	89.60	123.77	173.58	120.43	112.00	
7	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	%	111.60	106.01	102.05	103.00	102.00	

Phụ lục 5: Thực trạng phát triển công nghiệp giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước năm 2025
A	Giá trị sản xuất (GO)						
I	GO- theo giá hiện hành	tỷ đồng	443,350	575,737	679,435	831,494	997,792
1	- Nông, Lâm, Thủy sản	tỷ đồng	38,552	39,559	40,242	42,121	43,385
2	- Công nghiệp, Xây dựng	tỷ đồng	361,339	487,503	585,075	729,656	912,070
	Trong đó:						-
	+ Công nghiệp	tỷ đồng	320,961	446,808	542,024	682,925	826,339
	+ Xây dựng	tỷ đồng	40,378	40,694	43,050	46,731	49,535
3	- Dịch vụ	tỷ đồng	43,459	48,676	54,119	59,716	65,688
II	GO - Theo giá so sánh	tỷ đồng	344,143	444,097	530,465	659,160	804,176
1	- Nông, Lâm, Thủy sản	tỷ đồng	21,768	22,232	22,840	22,745	22,290
2	- Công nghiệp, Xây dựng	tỷ đồng	296,646	393,848	477,219	604,370	755,462
	Trong đó:						
	+ Công nghiệp	tỷ đồng	269,715	368,289	450,007	575,198	747,758
	+ Xây dựng	tỷ đồng	26,931	25,559	27,212	29,172	30,630
3	- Dịch vụ	tỷ đồng	25,729	28,017	30,406	32,045	33,968
B	Giá trị tăng thêm (VA)						
I	VA hiện hành						
1	Tổng VA- hiện hành	tỷ đồng	128,963	156,237	177,916	205,344	236,145
1.1	- Nông, Lâm, Thủy sản	tỷ đồng	22,771	23,399	23,806	24,923	25,670
1.2	- Công nghiệp, Xây dựng	tỷ đồng	76,923	100,376	118,225	140,779	166,119
	Trong đó: + Công nghiệp	tỷ đồng	65,687	89,027	106,200	127,741	153,289
	+Xây dựng	tỷ đồng	11,236	11,350	12,024	13,038	13,690
1.3	- Dịch vụ	tỷ đồng	29,269	32,462	35,885	39,642	44,399
2	Tốc độ tăng trưởng VA- hiện hành		109	121	114	115	115
2.1	- Nông, Lâm, Thủy sản	%	100	103	102	105	103
2.2	- Công nghiệp, Xây dựng	%	113	130	118	119	118
	Trong đó: + Công nghiệp	%	115	136	119	120	120
	+Xây dựng	%	104	101	106	108	105
2.3	- Dịch vụ	%	106	111	111	110	112
II	VA so sánh						
1	Tổng VA- so sánh	tỷ đồng	85,226	101,914	117,412	133,634	152,343
1.1	- Nông, Lâm, Thủy sản	tỷ đồng	12,096	12,353	12,691	12,257	11,767
1.2	- Công nghiệp, Xây dựng	tỷ đồng	57,260	72,450	86,259	101,991	122,390
	Trong đó: + Công nghiệp	tỷ đồng	49,766	65,322	78,659	94,391	113,269
	+ Xây dựng	tỷ đồng	7,494	7,128	7,600	7,600	7,676
1.3	- Dịch vụ	tỷ đồng	15,870	17,110	18,461	19,386	20,743
2	Tốc độ tăng trưởng VA- so sánh		109	120	115	114	114
2.1	- Nông, Lâm, Thủy sản	%	105	102	103	97	96
2.2	- Công nghiệp, Xây dựng	%	111	127	119	118	120
	Trong đó: + Công nghiệp	%	113	131	120	120	120
	+Xây dựng	%	98	95	107	100	101
2.3	- Dịch vụ	%	104	108	108	105	107
C	So sánh tỷ lệ VA/GO						
1	Giá trị VA/GO hiện hành	%	29.1	27.1	26.2	24.7	23.7
2	Giá trị VA/GO so sánh	%	24.8	22.9	22.1	20.3	18.9

Phụ lục 6: Thu ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn
(Kèm theo Báo cáo số 779-BC/TU ngày 04/6/2025 của Tỉnh ủy Bắc Giang)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước năm 2025
1	Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	20,492	20,466	17,585	19,752	18,143
2	Các khoản thu từ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	2,785	3,358	3,895	4,598	4,600
3	Các khoản thu về nhà đất	Tỷ đồng	11,946	11,800	7,630	7,958	7,496

4	Thu ngân sách nhà nước (trừ các khoản thu về nhà đất)	Tỷ đồng	8,547	8,666	9,955	11,794	10,647
5	Tỷ trọng đóng góp vào ngân sách nhà nước tính của ngành công nghiệp (đã trừ các khoản thu về nhà đất)	%	32.59	38.75	39.13	38.98	43.20